



**VINAMILK**

Báo cáo thường niên 2009

Niềm tin  
**GIÁ TRỊ THẬT**



VÌ MỘT THẾ HỆ  
TƯƠNG LAI TƯƠI SÁNG



# MỤC LỤC



## 04 Thông điệp

- 06 Tầm nhìn
- 06 Sứ mệnh
- 07 Giá trị cốt lõi
- 08 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT



## 12 Báo cáo của Ban điều hành

- 14 Tổng quan hoạt động kinh doanh
- 20 Chiến lược phát triển kinh doanh
- 21 Hệ thống phân phối
- 22 Lợi thế cạnh tranh
- 26 Danh mục nhãn hiệu



## 34 Các chỉ tiêu tài chính nổi bật

- 36 Thành tích nổi bật



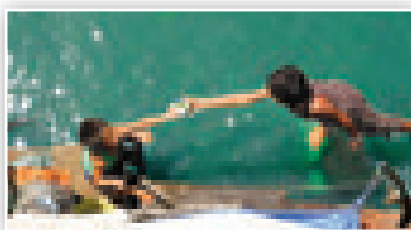
## 38 Giới thiệu công ty

- 40 Giới thiệu công ty
- 44 Cơ cấu tổ chức công ty
- 46 Sơ đồ tổ chức và cơ cấu quản lý
- 48 Giới thiệu Hội đồng quản trị
- 50 Giới thiệu Ban điều hành
- 53 Giới thiệu Ban kiểm soát



## 54 Quản trị doanh nghiệp

- 56 Báo cáo quản trị
- 66 Quản lý rủi ro
- 68 Quan hệ nhà đầu tư
- 70 Hoạt động cộng đồng



## 72 Báo cáo tài chính

- 01 Thông tin Doanh nghiệp
- 02 Báo cáo của Ban điều hành
- 03 Báo cáo của Kiểm toán viên độc lập
- 04 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 08 Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 09 Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất
- 10 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 12 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

- 40 Địa chỉ Công ty
- 42 Địa chỉ các nhà máy

## THÔNG ĐIỆP

- » Tâm nhìn
- » Sứ mệnh
- » Giá trị cốt lõi
- » Thông điệp của Chủ tịch HĐQT



Hương vị **THẬT**



## TÂM NHÌN

“Trở thành biểu tượng niềm tin số một Việt Nam về sản phẩm dinh dưỡng và sức khỏe phục vụ cuộc sống con người, và đứng vào hàng ngũ 50 Công ty sữa hàng đầu thế giới”

## SỨ MỆNH

“Vinamilk cam kết mang đến cho cộng đồng nguồn dinh dưỡng tốt nhất, chất lượng nhất bằng chính sự trân trọng, tình yêu và trách nhiệm cao của mình với cuộc sống con người và xã hội”

## GIÁ TRỊ CỐT LÕI

### 1. Chính trực

Bất cứ điều gì chúng tôi làm đều trung thực, minh bạch và đúng với đạo lý.

### 2. Ý chí

Dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vượt qua mọi thử thách để đạt được mục tiêu cam kết.

### 3. Sáng tạo

Chúng tôi tôn trọng niềm đam mê, sự khám phá mang tính độc đáo và các giải pháp tiên tiến.

### 4. Hiệu quả

Luôn quan tâm đến giá trị tăng thêm trong tất cả các hoạt động đầu tư, kinh doanh và công việc.

### 5. Tôn trọng

Tự trọng, bình đẳng và cống hiến cho sự phát triển của Công ty là những điều chúng tôi trân trọng.

### 6. Hòa hòa các lợi ích

Lợi ích của Vinamilk cũng là lợi ích của nhân viên, đối tác, nhà nước và xã hội.

### 7. Cởi mở

Sự trao đổi thẳng thắn với tinh thần xây dựng là cơ sở để giúp đội ngũ chúng tôi trở nên gắn bó hơn, mạnh mẽ hơn.

Tôi tin rằng Vinamilk có đủ cơ sở để biến mục tiêu thành hiện thực. Về mặt môi trường bên ngoài, Vinamilk có một thị trường đầy tiềm năng với gần 90 triệu dân, trong đó 36% là trẻ em từ 14 tuổi trở xuống. Thu nhập của người dân ngày càng được cải thiện, sự quan tâm đến các sản phẩm có lợi cho sức khỏe ngày càng tăng lên và người tiêu dùng ngày càng sử dụng nhiều hơn những sản phẩm có thương hiệu đã được khẳng định.

### Kính gửi: Quý cổ đông

Năm 2009 đã khép lại với nhiều biến động trong nền kinh tế thế giới lẫn thị trường Việt Nam. Khởi đầu từ cuối 2008 và kéo dài sang 2009, khủng hoảng tài chính thế giới đã ảnh hưởng lên nhiều mặt của nền kinh tế. Thị trường chứng khoán lao dốc, thất nghiệp gia tăng, nhiều công ty tên tuổi bị phá sản hoặc sáp nhập, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của nhiều quốc gia bị suy giảm nghiêm trọng.

Tại Việt Nam, nền kinh tế cũng trải qua nhiều khó khăn. Các nền kinh tế lớn rơi vào tình trạng suy thoái đã thu hẹp thị trường xuất khẩu và thị trường vốn của Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng GDP cả năm 2009 đạt 5,32%, thấp hơn tốc độ tăng 6,18% của năm 2008. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2009 ước tính đạt 56,6 tỷ USD, giảm 9,7% so với năm 2008, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 68,8 tỷ USD, giảm 14,7% so với năm 2008. Thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài năm 2009 đạt thấp ở mức 22 tỷ USD, giảm 70% so với năm 2008. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện năm 2009 ước tính đạt 10 tỷ USD, giảm 13% so với năm 2008 (nguồn: Tổng cục Thống kê).

Trong bối cảnh đầy khó khăn và thách thức đó, Vinamilk tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng ấn tượng và vị trí dẫn đầu thị trường sữa của mình. Tổng doanh thu tăng 29% so với cùng kỳ, vượt 17% so với kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao. Lợi nhuận trước thuế tăng gần gấp đôi năm 2008. Tổng tài sản cuối năm 2009 đạt 8.482 tỷ đồng, tăng 2.515 tỷ đồng tương ứng với mức tăng 42% so với mức 5.967 tỷ đồng lúc đầu năm. Trong đó, vốn chủ sở hữu đạt 6.638 tỷ đồng, tăng 1.876 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng 39% so với đầu năm.





**2.731** tỷ đồng  
**LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ**

## KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Kết thúc năm 2009, Vinamilk đã đạt được kết quả rất khả quan như sau:

	Thực hiện 2009	Kế hoạch 2009	Thực hiện 2008	% vượt kế hoạch	Tăng trưởng so với cùng kỳ
(tỷ đồng)					
Tổng doanh thu	10.820	9.220	8.381	17%	↑ 29%
Lợi nhuận trước thuế	2.731	1.670	1.371	64%	↑ 99%
Lợi nhuận sau thuế	2.376	1.303	1.250	82%	↑ 90%
EPS (đồng/cổ phiếu)	6.769		3.563		↑ 90%

(Ghi chú: số liệu hợp nhất. EPS được tính trên số cổ phiếu điều chỉnh sau khi phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông với tỷ lệ 1 : 1)

Chuẩn bị cho hoạt động trong tương lai, Vinamilk liên tục đầu tư nâng cấp và mở rộng các nhà máy. Tổng mức đầu tư vào tài sản cố định năm 2009 như sau:

	Thực hiện 2009	Kế hoạch 2009	Thực hiện/Kế hoạch
Giải ngân trong năm (tỷ đồng)	921	1.208	76%

## CỔ TỨC VÀ CỔ PHIẾU THƯỞNG

Đại hội đồng cổ đông đã thông qua mức chia cổ tức bằng tiền mặt năm 2009 là 30% vốn điều lệ. Dựa vào kết quả hoạt động trong năm, Hội đồng Quản trị đã chia cổ tức đợt 1 là 20% vốn điều lệ (tương đương với 2.000 đồng/cổ phiếu) trên số vốn điều lệ 1.756 tỷ đồng, và cổ tức đợt 2 là 10% vốn điều lệ (tương đương với 1.000 đồng/cổ phiếu) trên số vốn điều lệ là 3.531 tỷ đồng. Trong năm 2009, Công ty cũng đã phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông với tỷ lệ 1 : 1.

## CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2010 – 2012

Giai đoạn 2010 – 2012 có vai trò rất quan trọng để tạo đà tăng trưởng cho các năm kế tiếp. Công ty sẽ tiếp tục theo đuổi chiến lược đầu tư tập trung cho các sản phẩm sữa, đặc biệt là các sản phẩm có giá trị gia tăng và tốc độ tăng trưởng cao. Vinamilk đã đặt mục tiêu năm 2010 doanh số đạt trên 14.000 tỷ đồng và năm 2012 đạt doanh số 22.000 tỷ đồng, tương đương với trên 1 tỷ đô la Mỹ. Tham vọng của Công ty là đứng vào danh sách 50 công ty sữa lớn nhất thế giới.

# 2.376 tỷ đồng

## LỢI NHUẬN SAU THUẾ

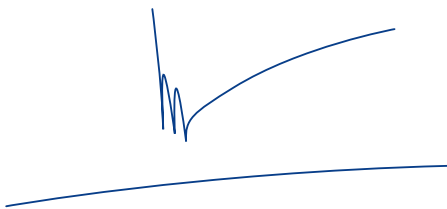
Tôi tin rằng Vinamilk có đủ cơ sở để biến mục tiêu thành hiện thực. Về mặt môi trường bên ngoài, Vinamilk có một thị trường đầy tiềm năng với gần 90 triệu dân, trong đó 36% là trẻ em từ 14 tuổi trở xuống. Thu nhập của người dân ngày càng được cải thiện, sự quan tâm đến các sản phẩm có lợi cho sức khỏe ngày càng tăng lên và người tiêu dùng ngày càng sử dụng nhiều hơn những sản phẩm có thương hiệu đã được khẳng định. Về bản thân nội tại doanh nghiệp, Vinamilk có các thế mạnh về thương hiệu, các sản phẩm đạt chất lượng tốt và được người tiêu dùng yêu thích, có các cơ sở sản xuất hiện đại, hệ thống phân phối rộng khắp và tiềm lực về tài chính.

### THAY LỜI KẾT

Thay mặt Vinamilk, tôi xin gửi lời cảm ơn đến tất cả khách hàng, các đối tác đã tin tưởng và hỗ trợ Vinamilk trong suốt thời gian vừa qua. Xin cảm ơn đội ngũ nhân viên của Công ty đã không ngừng nỗ lực để đóng góp vào sự thành công của Vinamilk ngày hôm nay. Và xin cảm ơn Quý cổ đông đã tin tưởng và đồng hành cùng chúng tôi.

Năm 2010 nền kinh tế có nhiều biến chuyển khả quan hơn, nhưng đồng thời cũng có những khó khăn thách thức đang chờ đón phía trước. Giá nguyên vật liệu tăng mạnh so với năm 2009 khi kinh tế hồi phục, tỷ giá USD/VND cũng tăng lên trong khi Việt Nam vẫn đang nhập siêu, lạm phát có khả năng quay trở lại v.v. Tuy nhiên, Vinamilk cam kết sẽ nỗ lực hết mình để đáp ứng mong đợi của các cổ đông đối với Công ty.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2010



**MAI KIỀU LIÊN**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

# BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

- » Tổng quan hoạt động kinh doanh
- » Chiến lược phát triển kinh doanh
- » Hệ thống phân phối
- » Lợi thế cạnh tranh
- » Danh mục nhãn hiệu



Khát vọng **THẬT**



DOANH THU

10.820

tỷ đồng

đạt lợi nhuận cao nhất từ trước đến nay



Doanh thu của Vinamilk tiếp tục tăng mạnh trong năm 2009 với tỷ lệ tăng trưởng **29%** so với cùng kỳ, trong đó doanh thu nội địa tăng 35% và doanh thu xuất khẩu giảm nhẹ 0,8% so với năm 2008. Tính từ sau khi cổ phần hóa vào tháng 11/2003 đến nay, doanh thu của Vinamilk tăng trưởng với tốc độ bình quân là 21%/năm. Lần đầu tiên Vinamilk đạt doanh thu trên 10.000 tỷ đồng và lợi nhuận cao nhất từ trước đến nay. Vinamilk cũng là lần đầu tiên nộp ngân sách Nhà nước trên 1.000 tỷ đồng.

Năm 2009, Vinamilk tiếp tục giữ vững vị trí dẫn đầu thị trường, sản phẩm của Vinamilk ngày càng được người tiêu dùng tin tưởng và lựa chọn. Các nhóm sản phẩm đều tăng trưởng rất tốt và bền vững. Tổng doanh thu tăng 29,3%, trong đó doanh thu nội địa tăng 34,6%. Hệ thống phân phối ngày càng được củng cố và phát triển mạnh. Công ty đạt cả chỉ tiêu về doanh số lẫn chỉ tiêu lợi nhuận mà Đại hội đồng cổ đông đã đặt ra cho Công ty vào đầu năm. Các sản phẩm của Vinamilk được chia thành 6 nhóm sản phẩm. Trong đó bốn nhóm đầu là các nhóm chủ lực đóng góp hơn 95% tổng doanh thu của Công ty.

- Nhóm sữa bột và bột dinh dưỡng
- Nhóm sữa đặc
- Nhóm sữa tươi
- Nhóm sữa chua, kem và phô mai
- Nhóm nước ép, sữa đậu nành, nước tinh khiết
- Nhóm cà phê

### Sữa bột và bột dinh dưỡng

Được tiêu thụ tại thị trường trong nước và xuất khẩu. Đây là sản phẩm xuất khẩu chính của Vinamilk qua thị trường khu vực Trung Đông. Nhóm này đóng góp 20% vào doanh thu nội địa của Công ty và tăng trưởng 32,5% so với năm 2008. Phân khúc thị trường này chịu sự cạnh tranh mạnh mẽ của sản phẩm nhập khẩu với rất nhiều thương hiệu quốc tế và cả những nhà sản xuất có cơ sở trong nước. Đây là thị trường có tiềm năng tăng trưởng mạnh và là trọng tâm phát triển của Vinamilk trong thời gian tới.

### Sữa đặc

Là dòng sản phẩm truyền thống của Vinamilk từ năm 1976. Năm 2009, sữa đặc đóng góp 25% vào doanh thu nội địa của Vinamilk và tăng

13,3% so với năm 2008, mặc dù tỷ trọng của sản phẩm sữa đặc đang giảm dần theo chiến lược phát triển của Vinamilk. Sữa đặc được tiêu thụ chủ yếu ở Việt Nam và một phần nhỏ xuất khẩu sang Campuchia và Phillipines.

### Sữa nước

Bao gồm sữa tiệt trùng và sữa chua uống. Đây là nhóm sản phẩm đóng góp lớn nhất 34,6% vào doanh thu nội địa của Vinamilk và tăng trưởng 47,8% so với năm 2008. Sữa nước được tiêu thụ tại thị trường Việt Nam. Sữa nước là thị trường có mức độ cạnh tranh rất cao với nhiều công ty sữa trong nước tham gia sản xuất và một số ít sản phẩm sữa tiệt trùng nhập khẩu. Đây là sản phẩm trọng tâm phát triển của Vinamilk trong thời gian tới.

### Sữa chua, kem và phô mai

Sản phẩm chủ lực của nhóm này là sữa chua ăn. Nhóm này đóng góp 17,2% vào doanh thu nội địa của Vinamilk và tăng trưởng 51,7% so với năm 2008. Vinamilk giữ vị trí gần như duy nhất trong thị trường này. Chúng tôi đánh giá tiềm năng phát triển trong tương lai của mặt hàng này còn rất lớn.

### Nước ép, sữa đậu nành, nước tinh khiết

Doanh thu chủ yếu từ nước ép và sữa đậu nành. Cuối năm 2009, Công ty đã tung ra các dòng sản phẩm nước giải khát không có gas và có lợi cho sức khỏe rất thành công như nước sâm bí đao, nước cam sữa, nước dâu sữa. Đây là nhóm hàng đang đóng góp nhỏ vào tổng doanh số, nhưng có tiềm năng phát triển rất tốt và mạnh trong thời gian tới của Công ty.

## NỢ NGÂN SÁCH

# 1.000

tỷ đồng

cao nhất từ trước đến nay

### CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### Biến động của nền kinh tế

Kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng trong năm 2009 vẫn trong thời kỳ khó khăn do hậu quả của cuộc suy thoái kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, Chính phủ Việt Nam đã có những chính sách hiệu quả để kiềm chế sự suy thoái và dần dần khôi phục nền kinh tế. GDP đạt mức tăng trưởng 5,2%, là 1 trong 12 nước có GDP tăng trưởng dương (+) của thế giới và là nước tăng trưởng cao nhất khu vực Đông Nam Á. Tình trạng lạm phát (CPI bình quân cả năm) cũng được kiểm chế ở mức 6,88%.

Đối với ngành sữa, ngoài khó khăn chung của nền kinh tế, những ảnh hưởng sau vụ sữa nhiễm melamine phát hiện tại Trung Quốc, các nước lân cận và việc một số sản phẩm sữa bột thành phẩm

có hàm lượng đạm thấp hơn rất nhiều so với hàm lượng công bố trên bao bì tiếp tục được phát hiện trong năm 2009 đã góp phần thúc đẩy xu hướng người tiêu dùng chuyển sang sử dụng sản phẩm của những thương hiệu có uy tín. Vinamilk xác định đây là thách thức lớn, nhưng cũng là cơ hội có một không hai mà Công ty phải biết nắm bắt để phát triển và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

#### Nhu cầu tiêu thụ sữa

Nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm sữa tại Việt Nam tăng trưởng ổn định. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, người tiêu dùng đã quan tâm nhiều hơn đến sức khỏe và sử dụng nhiều hơn các sản phẩm sữa. Mức tiêu thụ bình quân của Việt Nam hiện nay là 14 lít/người/năm, còn thấp so với





Thái Lan (23 lít/người/năm) và Trung Quốc (25 lít/người/năm). Ngoài ra, một số yếu tố sau đây được xem là cơ hội và là tiềm năng cho sự phát triển ổn định của ngành công nghiệp sữa Việt Nam:

- Việt Nam có cơ cấu dân số trẻ (trẻ em chiếm khoảng 36% dân số) và mức tăng dân số trên 1%/năm.
- Thu nhập bình quân đầu người tăng trên 6%/năm.

### Cạnh tranh

Thị trường sữa Việt Nam có mức độ cạnh tranh cao. Bên cạnh các nhà sản xuất sữa trong nước, Vinamilk còn phải cạnh tranh với các sản phẩm sữa bột nhập khẩu.

Tuy nhiên, tháng 8 năm 2009, Bộ Chính trị đã phát động cuộc vận động “Người Việt Nam dùng hàng Việt Nam” mà mặt hàng sữa được vận động đầu tiên đã làm tăng thêm sức cạnh tranh của các công ty sản xuất sữa trong nước trong đó có Vinamilk.

### Sản phẩm mới

Vinamilk cũng liên tục giới thiệu ra thị trường các sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của người tiêu dùng: Sữa chua ăn nha đam giàu vitamine A và E, sữa bột dành cho người bị tiểu đường, sữa giảm cân Dielac, các sản phẩm nước cam sữa v.v.

### Thuế

Theo cam kết gia nhập WTO, mức thuế nhập khẩu sữa bột thành phẩm đến năm 2012 sẽ ở mức 25%. Tuy nhiên, hiện nay mức thuế nhập khẩu hiện nay đang thấp hơn cam kết, tạo điều kiện cho các sản phẩm sữa bột nhập khẩu cạnh tranh dễ dàng hơn với các sản phẩm nội địa.

Thuế nhập khẩu nguyên liệu sữa cũng tạm thời thấp hơn cam kết với WTO. Việt Nam vẫn phải nhập khẩu khoảng 75% nguyên liệu bột sữa để sản xuất do nguồn cung trong nước không đáp ứng đủ nhu cầu.

# LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

# 6.769

đồng



## KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu của Vinamilk tiếp tục tăng mạnh trong năm 2009 với tỷ lệ tăng trưởng 29% so với cùng kỳ, trong đó doanh thu nội địa tăng 35% và doanh thu xuất khẩu giảm nhẹ 0,8% so với năm 2008. Tính từ sau khi cổ phần hóa vào tháng 11/2003 đến nay, doanh thu của Vinamilk tăng trưởng với tốc độ bình quân là 21%/năm. Lần đầu tiên Vinamilk đạt doanh thu trên 10.000 tỷ đồng và lợi nhuận cao nhất từ trước đến nay. Đây cũng là lần đầu tiên Vinamilk nộp ngân sách Nhà nước trên 1.000 tỷ đồng.

Doanh thu năm 2009 tăng chủ yếu do tăng trưởng của nhóm sữa nước và sữa chua ăn. Sữa đặc và sữa bột cũng có mức tăng trưởng trên 15%. Mặc dù nhóm nước giải khát (sữa đậu nành, nước ép) đóng góp vào doanh thu thấp có mức tăng trưởng cao nhất. Đây là nhóm hàng mới và có tiềm năng phát triển tốt trong những năm tới.

Một trong các yếu tố đóng góp vào thành công này là hệ thống phân phối nội địa trải rộng của Vinamilk, với độ bao phủ 135.000 điểm bán lẻ hiện nay. Hệ thống tủ đông, tủ mát, xe lạnh cũng được đầu tư mở rộng để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng của nhóm sữa chua.

Tỷ trọng doanh thu sản phẩm cũng có sự thay đổi như sau: nhóm sữa đặc, nhóm sữa bột và bột dinh dưỡng giảm lần lượt tương ứng là 3% và 4% so với tỷ trọng của chúng trong năm 2008. Ngược lại, nhóm sữa tươi và nhóm sữa chua tăng lần lượt tương ứng là 4% và 2% so với tỷ trọng của chúng trong năm 2008.

## Doanh thu hoạt động tài chính

Tăng so với năm 2008 chủ yếu là do lợi nhuận từ việc chuyển nhượng vốn khi thanh lý liên doanh bia Sabmiller và lãi tiền gửi ngân hàng.

## Tỷ suất Chi phí bán hàng/doanh thu và Chi phí quản lý/doanh thu

Tỷ suất Chi phí bán hàng/doanh thu và Chi phí quản lý/doanh thu trong năm 2009 lần lượt là 11,7% và 2,6%, giảm so với tỷ suất trong năm 2008 tương ứng là 1,1% và 0,9%. Tỷ suất giảm chủ yếu là do doanh thu tăng trưởng tốt trong khi đó các chi phí chi cho quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ nhà phân phối được kiểm soát chặt chẽ và hợp lý.

## Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh hợp nhất

Lợi nhuận trước thuế năm 2009 đạt 2.372 tỷ đồng, tăng 99% so với năm 2008, đạt mức kỷ lục từ trước đến nay.

Lợi nhuận tăng trưởng vượt bậc trong năm 2009 là do sự kết hợp của các yếu tố sau đây:

- Sản lượng tiêu thụ tăng 25%.
- Doanh số tăng trưởng tốt, chi phí sản xuất được quản lý chặt chẽ và ưu tiên phát triển các nhóm sản phẩm có mức lãi gộp cao, làm cho lợi nhuận gộp tăng thêm 4,9%.
- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp cũng được quản lý chặt chẽ và có hiệu quả.
- Quản lý vốn lưu động hiệu quả hơn góp phần tăng thêm doanh thu từ lãi tiền gửi.
- Lợi nhuận từ việc chuyển nhượng vốn trong liên doanh bia Sabmiller.

# chiếm lĩnh ít nhất **35%** thị phần sữa bột **TRONG 2 NĂM SẮP ĐẾN**

Mục tiêu của Công ty là tối đa hóa giá trị của cổ đông và theo đuổi chiến lược phát triển kinh doanh dựa trên những yếu tố chủ lực sau:

- Củng cố, xây dựng và phát triển một hệ thống các thương hiệu cực mạnh đáp ứng tốt nhất các nhu cầu và tâm lý tiêu dùng của người tiêu dùng Việt Nam.
- Phát triển thương hiệu Vinamilk thành thương hiệu dinh dưỡng có uy tín khoa học và đáng tin cậy nhất với mọi người dân Việt Nam thông qua chiến lược áp dụng nghiên cứu khoa học về nhu cầu dinh dưỡng đặc thù của người Việt Nam để phát triển ra những dòng sản phẩm tối ưu nhất cho người tiêu dùng Việt Nam.
- Đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh qua thị trường của các mặt hàng nước giải khát tốt cho sức khỏe của người tiêu dùng thông qua thương hiệu chủ lực VFresh nhằm đáp ứng xu hướng tiêu dùng tăng nhanh đối với các mặt hàng nước giải khát đến từ thiên nhiên và tốt cho sức khỏe con người.
- Củng cố hệ thống và chất lượng phân phối nhằm giành thêm thị phần tại các thị trường mà Vinamilk có thị phần chưa cao, đặc biệt là tại các vùng nông thôn và các đô thị nhỏ.
- Khai thác sức mạnh và uy tín của thương hiệu Vinamilk là một thương hiệu dinh dưỡng có “uy tín khoa học và đáng tin cậy nhất của người Việt Nam” để chiếm lĩnh ít nhất là 35% thị phần của thị trường sữa bột trong 2 năm sắp đến.
- Phát triển toàn diện danh mục các sản phẩm sữa và từ sữa nhằm hướng tới một lượng khách hàng tiêu thụ rộng lớn, đồng thời mở rộng sang các sản phẩm giá trị cộng thêm có giá bán cao nhằm nâng cao tỷ suất lợi nhuận chung của toàn Công ty.
- Tiếp tục nâng cao năng lực quản lý hệ thống cung cấp.
- Tiếp tục mở rộng và phát triển hệ thống phân phối chủ động, vững mạnh và hiệu quả.
- Phát triển nguồn nguyên liệu để đảm bảo nguồn cung sữa tươi ổn định, chất lượng cao với giá cạnh tranh và đáng tin cậy.

## HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

Hơn **135.000** điểm bán hàng  
**TRÊN TOÀN QUỐC**

### Thị trường nội địa:

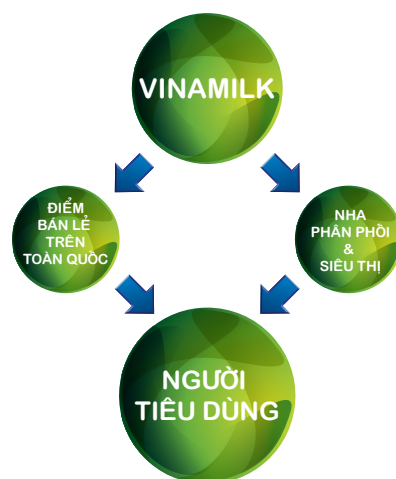
Doanh thu nội địa chiếm khoảng 90% tổng doanh thu của Công ty và là thị trường chính trong chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty. Sản phẩm được phân phối đến người tiêu dùng thông qua hai kênh:

#### Truyền thống

Nhà phân phối → điểm bán lẻ → người tiêu dùng

#### Hiện đại

Siêu thị và Metro → người tiêu dùng.

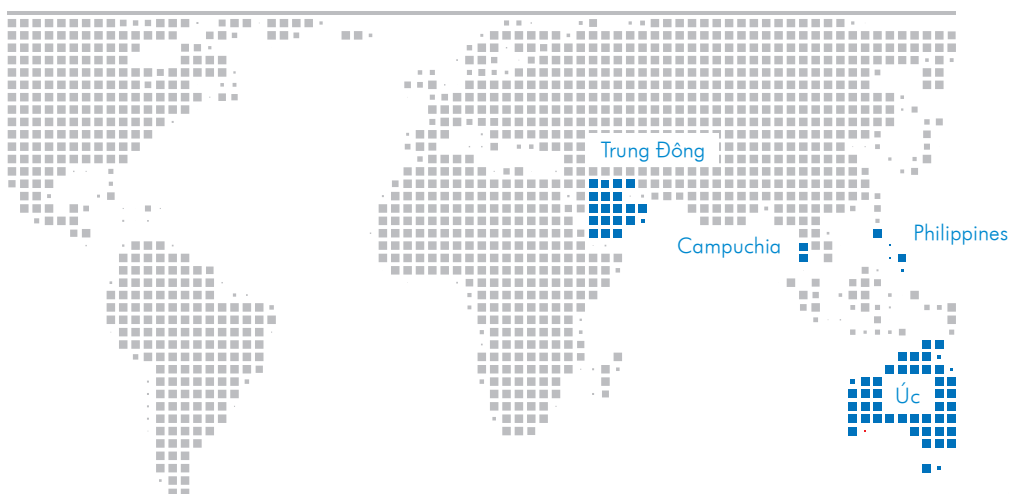


### Thị trường xuất khẩu:

Doanh thu xuất khẩu năm 2009 chiếm tỷ lệ khoảng 11% tổng doanh thu của Công ty. Thị trường xuất khẩu chính của Công ty là các nước thuộc khu vực Trung Đông, Campuchia, Philippines và Úc.

Công ty luôn tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu sang các nước khác trong khu vực và trên thế giới nhằm duy trì và phát triển doanh thu xuất khẩu.

Sản phẩm xuất khẩu chủ yếu là sữa bột và sữa đặc.





chiếm **55,4%**  
**TRONG THỊ PHẦN SỮA NƯỚC**  
(Nguồn: Retail Audit 36 thành phố - tháng 12/2009)

## LỢI THẾ CẠNH TRANH

- Lợi thế về quy mô khi Vinamilk đang dẫn đầu thị trường sữa Việt Nam.
- Thương hiệu Vinamilk là thương hiệu quen thuộc và được người tiêu dùng Việt Nam tin tưởng sử dụng 34 năm qua.
- Hệ thống phân phối rộng khắp cả nước và tiếp tục mở rộng qua các năm, giúp đưa sản phẩm của Công ty đến tay người tiêu dùng nhanh chóng và hiệu quả.
- Sản phẩm đạt chất lượng tốt và được người tiêu dùng yêu thích.
- Chuỗi các nhà máy được phân bố dọc Việt Nam, giúp làm giảm các chi phí vận chuyển, với các máy móc thiết bị hiện đại, được đầu tư nâng cấp và mở rộng mỗi năm, bảo đảm sản phẩm sản xuất đạt tiêu chuẩn quốc tế.
- Mối quan hệ lâu dài và hợp tác với nhà cung cấp trong và ngoài nước cho phép công ty có được nguồn cung cấp ổn định với giá cả hợp lý. Hiện nay, Vinamilk đang thu mua khoảng 60% tổng lượng sữa tươi được sản xuất tại Việt Nam.
- Ban lãnh đạo giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh và sản xuất sữa. Hệ thống quản trị nội bộ minh bạch, các quy trình quản lý cụ thể và chặt chẽ. Ý thức tự thay đổi để nâng cao chất lượng hoạt động được xuyên suốt từ cấp quản lý đến cấp nhân viên.

# Sữa đậu nành được chứng nhận **tốt cho tim mạch**

6.4 gam đạm mỗi khẩu phần (200ml)



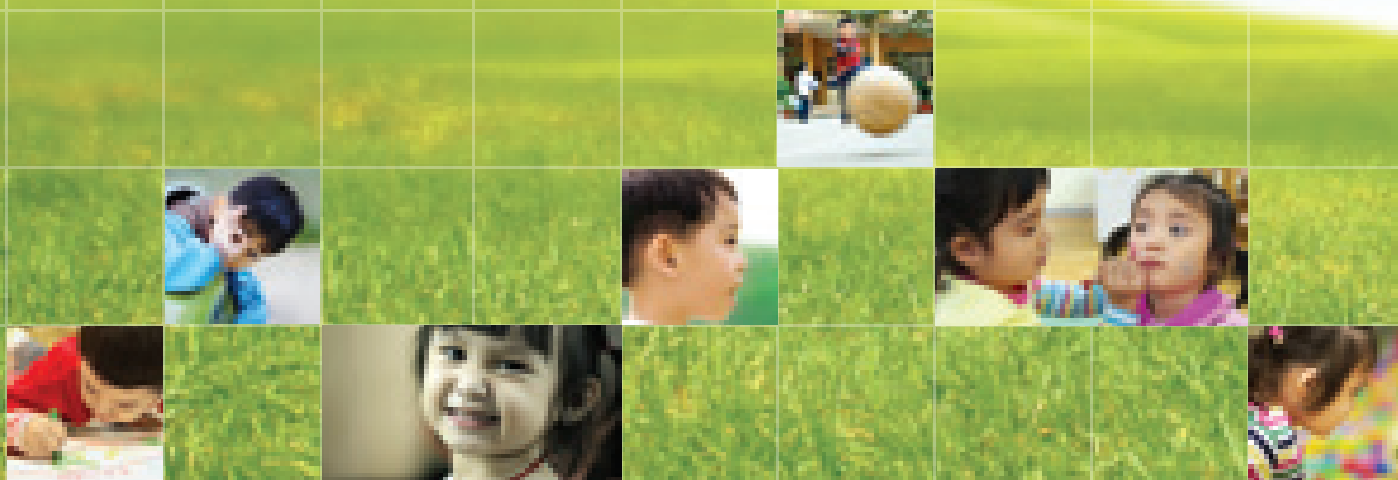
Vfresh, nguồn sống từ đất mẹ

[www.vfresh.com.vn/soy](http://www.vfresh.com.vn/soy)

# 4 thương hiệu tạo dựng MỘT DOANH NGHIỆP



Sự lựa chọn thông minh



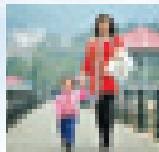


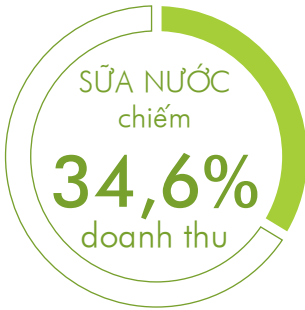


Đậm đà như cafe phin



nguồn sống từ đất mẹ





Danh mục sản phẩm của Vinamilk rất đa dạng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng. Công ty có 4 thương hiệu lớn, trong đó Vinamilk và Dielac là hai nhãn hiệu chủ lực và Vfresh là nhãn hiệu mới có tiềm năng phát triển rất lớn.

## SỮA NƯỚC

### 1. Sữa nước cho gia đình

#### Sữa tươi nguyên chất

Được làm từ 100% sữa tươi nguyên chất chứa đựng những dưỡng chất cần thiết và thuần khiết nhất từ thiên nhiên, mang đến cho bạn một sức sống dồi dào để thưởng thức trọn vẹn một cuộc sống tươi đẹp.

#### Sữa tiệt trùng Flex

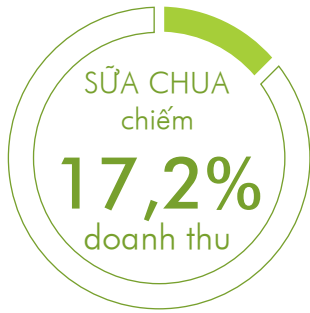
Ít béo và giàu canxi, Flex là nguồn dưỡng chất lý tưởng để cơ thể bạn luôn cân đối, khỏe khoắn năng động và tràn đầy sức sống.

### 2. Sữa nước cho trẻ em

#### Sữa tiệt trùng Milk Kid

Được sản xuất từ sữa bò tươi nguyên chất, giàu canxi và khoáng chất, được xử lý bằng công nghệ tiệt trùng hiện đại: sữa tươi được tiệt trùng ở nhiệt độ cao trong thời gian cực ngắn (3 giây) nên sản phẩm bảo toàn được tất cả các vitamin và khoáng chất, hàm lượng canxi trong sữa với tỷ lệ D/Canxi tối ưu, được bổ sung DHA giúp trẻ phát triển cao lớn, mạnh khỏe, nhanh nhẹn và thông minh.





## SỮA CHUA

### 1. Sữa chua uống

Có 2 dòng sản phẩm là Sữa chua uống Vinamilk và Sữa chua uống SUSU với nhiều hương vị khác nhau. Sữa chua là sản phẩm có lợi cho hệ thống tiêu hóa và mang lại nguồn dinh dưỡng tốt cho sức khỏe.

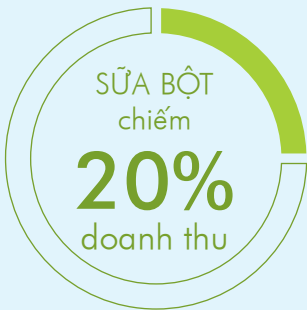


### 3. Sữa chua men sống Probi

Probi là sản phẩm sữa chua lên men từ hàng tỉ men sống Lactobacillus Casei, hoạt động tích cực trong hệ tiêu hóa, giúp: tăng cường sức đề kháng cho hệ tiêu hóa, giúp thanh lọc độc chất từ thực phẩm và môi trường bên ngoài, đồng thời giúp hấp thu tối đa các chất dinh dưỡng.

Uống sữa chua men sống Probi mỗi ngày là cách tự nhiên nhất cho một hệ tiêu hóa khỏe khoắn từ bên trong.





## SỮA BỘT

### 1. Sữa bột dành cho bà mẹ mang thai và cho con bú

#### Dielac Mama - hợp cho mẹ, tốt cho con

Dielac Mama hương vani được đặc chế theo công thức đặc biệt dành riêng cho phụ nữ trong thời kỳ mang thai và cho con bú, bổ sung canxi, sắt, kẽm, I ốt, vitamin A, C, D3, E và hỗn hợp vitamin B một cách đầy đủ và cân đối; không những tăng cường sức khỏe của bà mẹ mà còn giúp cho sự phát triển hoàn thiện của bé, phòng ngừa nguy cơ để lại những di chứng khó khắc phục khi trẻ trưởng thành.



### 2. Sữa bột dành cho trẻ em

#### Dielac Alpha - sự lựa chọn thông minh

Công thức độc quyền Alpha bổ sung Sữa non Colostrum, DHA, Choline, Omega 3, Omega 6 và các dưỡng cần thiết khác nhằm cung cấp cho trẻ một năng lượng sống mạnh mẽ và bảo vệ bé khỏi tác nhân gây bệnh.

#### Dielac Alpha Step 1:

Sữa bột dành cho trẻ em từ 0-6 tháng tuổi

#### Dielac Alpha Step 2:

Sữa bột dành cho trẻ em từ 6-12 tháng tuổi.

#### Dielac Alpha 123:

Sữa bột dành cho trẻ em từ 1-3 tuổi

#### Dielac Alpha 456:

Sữa bột dành cho trẻ em từ 4-6 tuổi

### 3. Sữa bột dành cho trẻ biếng ăn và suy dinh dưỡng

#### Dielac Pedia - cho trẻ bất kị đà tăng trưởng

Dielac Pedia với sự kết hợp giữa Bifidobacterium BB-12 và chất xơ hòa tan (FOS) tăng cường miễn dịch và ức chế sự phát triển của các vi khuẩn có hại, nuôi dưỡng và làm giàu các vi khuẩn có lợi giúp đường ruột hoạt động tốt hơn, gia tăng khả năng hấp thu tối ưu của trẻ. Đồng thời, chất Inositol giúp quá trình vận chuyển các chất dinh dưỡng qua màng tế bào tốt hơn hỗ trợ bé hấp thu tối ưu dưỡng chất cần thiết để bất kị đà tăng trưởng.



#### 4. Sữa bột dành cho người lớn

Vinamilk Canxi - sữa bột ít béo, giàu canxi, giúp xương chắc khớp khỏe

Sữa bột Vinamilk Canxi với tỉ lệ kết hợp vượt trội giữa Canxi và Phốt Pho, cùng với Vitamin D & FOS, giúp hấp thu canxi tối đa, tạo hệ xương vững chắc. Ngoài ra, sản phẩm được bổ sung đạm Collagen thủy phân giúp nuôi dưỡng, củng cố các khớp xương và sụn, nhờ vậy giúp khớp thêm khỏe mạnh, dẻo dai.

Xua tan nỗi lo xương khớp, với Vinamilk Canxi, người trên 30 tuổi vẫn tận hưởng một cuộc sống năng động và hạnh phúc.

Dielac Sure - sản phẩm dinh dưỡng đặc biệt dành cho người bệnh

Sản phẩm dinh dưỡng đặc biệt chứa hàm lượng đạm, béo cao, không chứa đường lactose, không chứa cholesterol nên thích hợp với người lớn tuổi, người dị ứng với đường lactose, và các bệnh nhân cần phục hồi sức khỏe nhanh

Dielac Diacerna - giải pháp dinh dưỡng hoàn hảo cho người bệnh tiểu đường

Công thức cân bằng tối ưu của Dielac Diacerna cung cấp đầy đủ những dưỡng chất cần thiết với chỉ số đường huyết thấp cho người bệnh tiểu đường một cuộc sống khỏe mạnh, vui tươi.

Sữa giảm cân Vinamilk - giải pháp giảm cân hiệu quả và an toàn. Trung bình giảm 3,9 kg sau 06 tuần sử dụng.

Dinh dưỡng đặc biệt giúp người thừa cân, béo phì kiểm soát cân nặng thông qua chế độ ăn kiêng, giảm ngưỡng no và hoàn toàn duy trì dinh dưỡng cho sinh hoạt hàng ngày.

Sữa bột nguyên kem Dielac dinh dưỡng - năng lượng cho cuộc sống mỗi ngày

Dielac Dinh dưỡng phù hợp với mọi lứa tuổi, giúp trẻ em tăng trưởng chiều cao, người bệnh khắc phục được tình trạng suy nhược và là nguồn năng lượng dồi dào cho những người hoạt động trí não hoặc có nhu cầu vận động cao.

#### 5. Bột ăn dặm Ridielac Alpha - dinh dưỡng và thơm ngon như cháo mẹ nấu.

Bột dinh dưỡng Ridielac Alpha là thực phẩm ăn dặm giúp bé làm quen với mùi vị thức ăn được sản xuất theo công thức độc quyền Alpha, đảm bảo cho bé sự phát triển toàn diện về thể chất, trí não và vận động.

**Ridielac Alpha Sữa - Ngũ Cốc:**

Thức ăn dặm dành cho trẻ từ 4 - 24 tháng tuổi.

**Ridielac Alpha Thịt Heo - Rau Củ:**

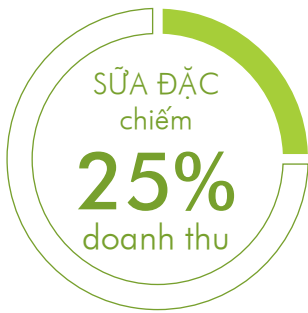
Thức ăn dặm dành cho trẻ từ 6 - 24 tháng tuổi.

**Ridielac Alpha Thịt Bò - Rau Củ:**

Thức ăn dặm dành cho trẻ từ 7 - 24 tháng tuổi.



## DANH MỤC NHÃN HIỆU



### SỮA ĐẶC CÓ ĐƯỜNG

#### 1. Sữa đặc có đường Ông Thọ

Nguồn dinh dưỡng cần thiết cho sự phát triển của bạn và gia đình bạn, được đặc chế để phục vụ nhu cầu đa dạng của mọi người như dùng để uống như một loại sữa khi pha với nước ấm đã đun sôi, dùng với bánh mì, làm yaourt, pha cà phê sữa, làm sinh tố.



#### 2. Sữa đặc có đường Ngôi Sao Phương Nam

Với thành phần chất béo từ dầu thực vật, không chứa Cholesterol rất thích hợp cho mọi lứa tuổi và đặc biệt tốt cho người ăn kiêng. Sữa đặc có đường Ngôi Sao Phương Nam sẽ là sự kết hợp tuyệt vời khi được dùng để chế biến bánh Flan, làm Yaourt và đặc biệt rất thích hợp khi dùng cà phê.



### KEM

Nhiều hương vị trái cây tự nhiên: dâu, sầu riêng, dứa, khoai môn, đậu xanh ... được đóng trong bao bì hộp 1 lít hoặc 450ml tiện lợi cho người sử dụng,...

Kem Vinamilk còn có loại ly và cây rất phù hợp với các em thiếu nhi.



### PHÔ MAI

Được chế biến trên dây chuyền của Pháp, có giá trị dinh dưỡng và hàm lượng canxi cao.



Vfresh là một thương hiệu mạnh của Vinamilk chuyên về các sản phẩm nước trái cây nguyên chất, nước trái cây pha sữa, nước giải khát và sữa đậu nành được phát triển từ thương hiệu Fresh đã được người tiêu dùng ưa chuộng từ hơn 10 năm nay.

Với các sản phẩm chất lượng cao, tốt cho sức khỏe và chiến lược tiếp thị chuyên nghiệp Vfresh đã được công ty nghiên cứu thị trường TNS đánh giá là một trong 10 thương hiệu phát triển nhanh nhất Việt Nam trong nửa đầu năm 2009. Trong năm 2010, nhà máy nước giải khát hiện đại với công suất 36 ngàn chai mỗi giờ sẽ đi vào hoạt động, tạo tiền đề để Vfresh phát triển mạnh mẽ trở thành thương hiệu dẫn đầu trong ngành hàng nước giải khát có lợi cho sức khỏe.

## CÀ PHÊ

### Vinamilkcafe

Nguồn dinh dưỡng cần thiết cho sự phát triển được sản xuất từ tinh túy của cà phê nguyên chất với công nghệ hàng đầu cho vị đậm đà như café phin, tiếp thêm nguồn năng lượng tức thì để làm, để nghĩ, để quyết định, để bạn không dừng lại trước cuộc sống.



## VFRESH

### Sữa đậu nành Vfresh

Sữa đậu nành Vfresh chứa 6.4 gam đạm đậu nành trên mỗi khẩu phần 200ml được Viện Dinh Dưỡng Quốc Gia chứng nhận đạt tiêu chuẩn TỐT CHO TIM MẠCH

Không chứa cholesterol, không chứa chất bảo quản và hương vị thơm ngon, sữa đậu nành Vfresh là thức uống bổ dưỡng tuyệt hảo cho bạn và cả gia đình mỗi ngày.



### Nước ép trái cây Vfresh 100% nguyên chất

100% nguyên chất, không chất bảo quản, hương vị thơm ngon, nước ép trái cây Vfresh là nguồn cung cấp Vitamin và khoáng chất từ đất mẹ thiên nhiên cho cơ thể khỏe mạnh và năng động mỗi ngày.



### Sâm bí đao Vfresh

Sâm bí đao Vfresh mới là sự kết hợp độc đáo giữa chất thanh nhiệt của bí đao tự nhiên đặc chế với thạch táo trong suốt mang lại vị ngon lạ thường và sự ngạc nhiên thú vị với cảm giác sảng sảng trong miệng làm cho bạn chỉ muốn uống mãi không thôi.



### Nước trái cây pha sữa Vfresh

Nước trái cây pha sữa Vfresh Smoothies, sự kết hợp độc đáo giữa nước trái cây tươi thanh mát và vị sữa dịu nhẹ cho bạn 1 thức uống sảng sảng không chỉ có hương vị ngon tuyệt mà còn tốt hơn cho sức khỏe.

Với hộp giấy Tetra Prisma hoàn toàn mới và có nắp tiện dụng, bạn có thể thưởng thức nước trái cây pha sữa Vfresh Smoothie mọi lúc mọi nơi.





# thật là nhất

Đơn giản chỉ là một sự kết hợp của dâu thật, cam thật và sữa thật, Vfresh Smoothie hoàn toàn mới mang đến cho bạn một loại thức uống thật tự nhiên, để bạn thật như chính bạn.



**trái cây thật.sữa thật.ngon thật**

## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT

$$l = \sqrt{0^2 + a^2} = \sqrt{2}a$$
$$L = \sqrt{a^2 + a^2 + a^2} = \sqrt{3}a$$
$$r = \frac{\sqrt{3}}{2}a. \quad S = \frac{\sqrt{3}}{4}a^2$$
$$r = \sqrt{L^2 - r^2}. \quad S = \frac{1}{3}L^2$$

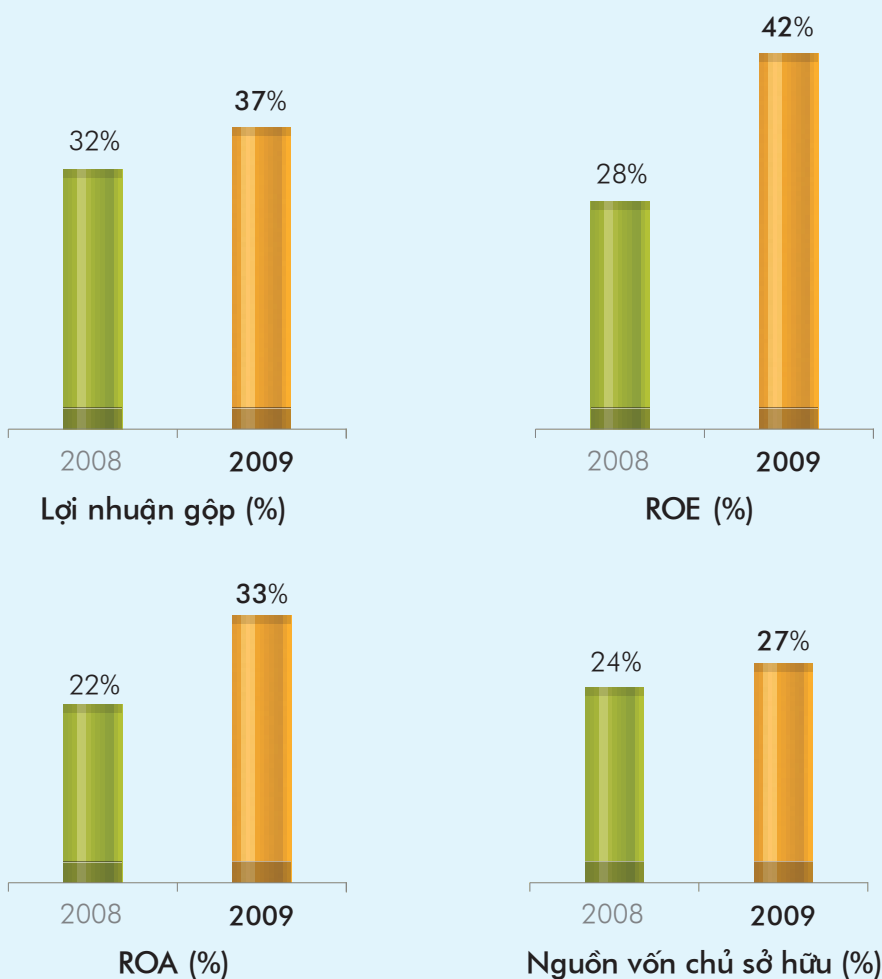
Kiến thức **THẬT**

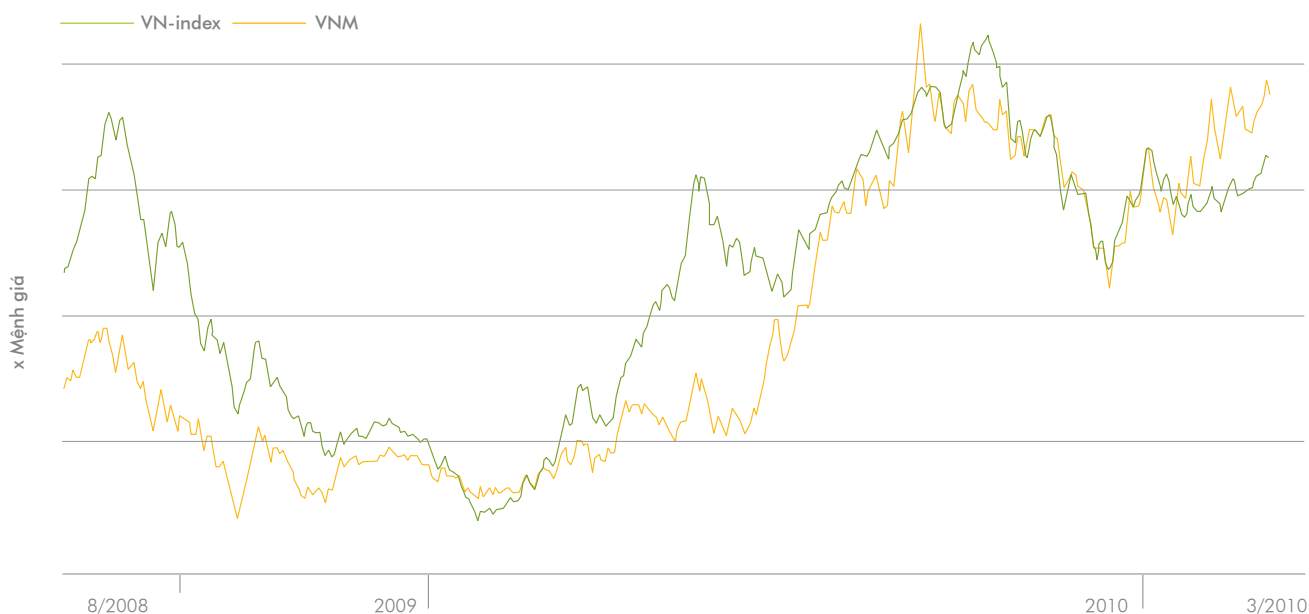


## LỢI NHUẬN SAU THUẾ

# 2.376

tỷ đồng





	2009	2008
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH</b>		
Doanh thu thuần	10.613.771	8.208.982
Lợi nhuận gộp	3.878.709	2.598.013
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.595.399	1.315.090
Lợi nhuận sau thuế	2.376.067	1.248.698
EBITDA	2.972.091	1.576.714
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>		
Tổng tài sản	8.482.036	5.966.959
Nợ phải trả	1.808.931	1.154.432
Nợ dài hạn	256.325	181.930
Tài sản thuần	6.633.864	4.761.659
<b>CHỈ SỐ TÀI CHÍNH (%)</b>		
ROE	42%	28%
ROA	33%	22%
Nợ/Vốn Chủ sở hữu	27%	24%
<b>TÍNH TRÊN 1 CỔ PHIẾU (ĐỒNG)</b>		
Thu nhập	6.769	3.563
Giá trị sổ sách	18.903	13.570
Cổ tức	3.000	2.900

## GIỚI THIỆU CÔNG TY

- » Giới thiệu công ty
- » Cơ cấu tổ chức công ty
- » Sơ đồ tổ chức và cơ cấu quản lý
- » Giới thiệu HĐQT
- » Giới thiệu Ban điều hành
- » Giới thiệu Ban kiểm soát



Cảm xúc **THẬT**



## GIỚI THIỆU CÔNG TY

### CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY NHƯ SAU:

# 1976

Tiền thân là Công ty Sữa, Café Miền Nam, trực thuộc Tổng Cục Công nghiệp Thực phẩm, với 6 đơn vị trực thuộc là Nhà máy sữa Thống Nhất, Nhà máy sữa Trường Thọ, Nhà máy sữa Dielac, Nhà máy Café Biên Hòa, Nhà máy Bột Bích Chi và Lubico.

# 1996

Liên doanh với Công ty Cổ phần Đông lạnh Quy Nhơn để thành lập Xí Nghiệp Liên Doanh Sữa Bình Định. Liên doanh này tạo điều kiện cho Công ty thâm nhập thành công vào thị trường Miền Trung Việt Nam.

# 1978

Công ty được chuyển cho Bộ Công Nghiệp thực phẩm quản lý và Công ty được đổi tên thành Xí Nghiệp Liên hợp Sữa Café và Bánh Kẹo I.

# 2003

Chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần vào tháng 11 năm 2003 và đổi tên thành Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam cho phù hợp với hình thức hoạt động của Công ty.

# 1992

Xí Nghiệp Liên hợp Sữa Café và Bánh Kẹo I được chính thức đổi tên thành Công ty Sữa Việt Nam và thuộc sự quản lý trực tiếp của Bộ Công Nghiệp Nhẹ.

# 2004

Mua đầu tư Công ty Cổ phần sữa Sài Gòn. Tăng vốn điều lệ của Công ty lên 1.590 tỷ đồng.



# 2005

2005: Mua số cổ phần còn lại của đối tác liên doanh trong Công ty Liên doanh Sữa Bình Định (sau đó được gọi là Nhà máy Sữa Bình Định) và khánh thành Nhà máy Sữa Nghệ An vào ngày 30 tháng 06 năm 2005, có địa chỉ đặt tại Khu Công Nghiệp Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An.

2005: Liên doanh với SABmiller Asia B.V để thành lập Công ty TNHH Liên Doanh SABMiller Việt Nam vào tháng 8 năm 2005. Sản phẩm đầu tiên của liên doanh mang thương hiệu Zorok được tung ra thị trường vào đầu giữa năm 2007.

# 2006

2006: Vinamilk niêm yết trên thị trường chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 19 tháng 01 năm 2006, khi đó vốn của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước có tỷ lệ nắm giữ là 50,01% vốn điều lệ của Công ty.

Mở phòng khám An Khang tại Thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 6 năm 2006. Đây là phòng khám đầu tiên tại Việt Nam quản trị bằng hệ thống thông tin điện tử. Phòng khám cung cấp các dịch vụ như tư vấn dinh dưỡng, khám phụ khoa, tư vấn nhi khoa và khám sức khỏe.

Khởi động chương trình trang trại bò sữa bắt đầu từ việc mua trâu tằm trang trại Bò sữa Tuyên Quang vào tháng 11 năm 2006, đàn bò sữa khoảng 1.400 con. Trang trại này cũng được đi vào hoạt động ngay sau khi được mua trâu tằm.

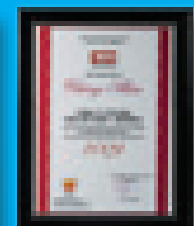
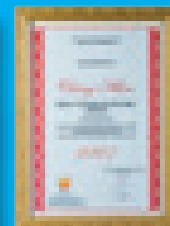
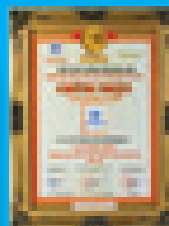
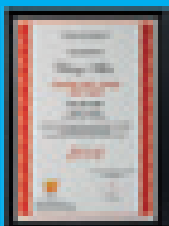
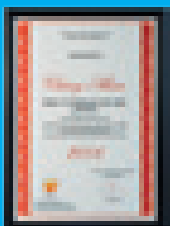
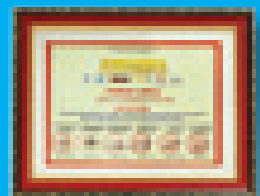
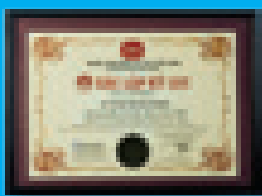
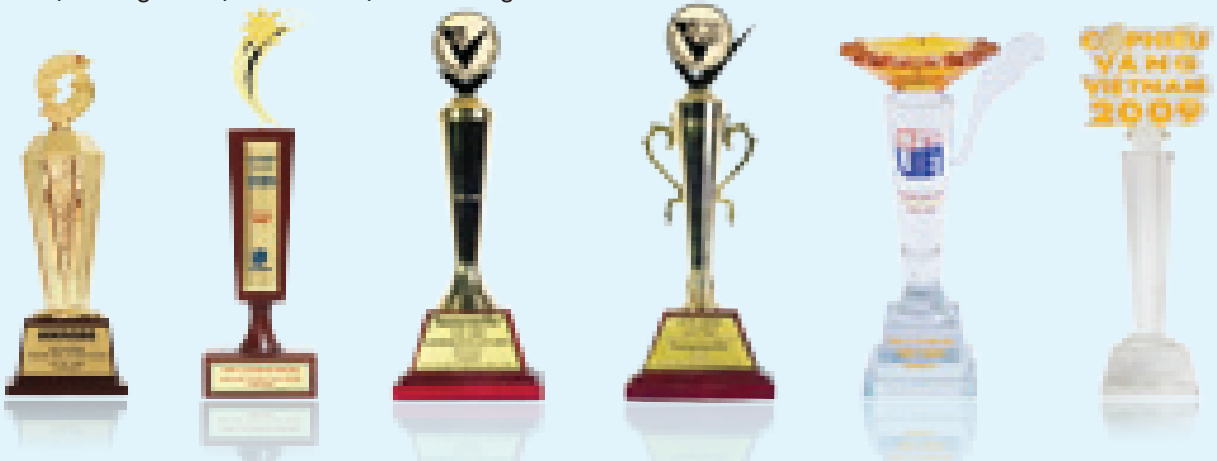
# 2007

Mua cổ phần chi phối 55% của Công ty sữa Lam Sơn vào tháng 9 năm 2007, có trụ sở tại Khu công nghiệp Lễ Môn, Tỉnh Thanh Hóa.

## GIỚI THIỆU CÔNG TY

### SỰ KIỆN TIÊU BIỂU

- Quỹ học bổng Vinamilk “Ươm mầm tài năng trẻ Việt Nam”: 3,4 tỷ đồng
- Hỗ trợ quà và tiền mặt cho bà con cơn bão số 9 và số 11 tại miền Trung và Tây Nguyên với giá trị hơn 2 tỷ đồng.
- Hỗ trợ cho giáo viên 10 tỉnh nghèo được ăn Tết.
- Kết hợp với Hội bảo trợ bệnh nhân nghèo Tp. HCM, tặng sữa cho các trung tâm dưỡng lão, người già neo đơn. Tiếp tục chăm lo và nuôi dưỡng bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng tại Bến Tre theo chương trình phụng dưỡng các mẹ suốt đời.
- Học bổng hỗ trợ cho các học sinh vùng lũ.



## Các hình thức khen thưởng đã nhận năm 2009

### 1. Tập thể :

- Báo Sài Gòn tiếp thị cấp giấy chứng nhận “Hàng Việt Nam Chất lượng cao năm 2009” do người tiêu dùng bình chọn qua cuộc điều tra do báo tổ chức.
- “Giải vàng thương hiệu an toàn vệ sinh an toàn thực phẩm năm 2009” do Cục An toàn thực phẩm cấp.
- Báo Sài Gòn giải phóng cấp giấy chứng nhận và cúp “Thương hiệu ưa thích nhất năm 2008-2009”
- Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh tặng bằng khen và danh hiệu “Doanh nghiệp xanh” cho 3 đơn vị của Vinamilk: Nhà máy sữa Sài Gòn; Nhà máy sữa Thống Nhất và nhà máy sữa Trường Thọ năm 2009.
- Cúp vàng “Thương hiệu chứng khoán Uy tín 2009” và giải thưởng “Doanh nghiệp tiêu biểu trên thị trường chứng khoán Việt Nam

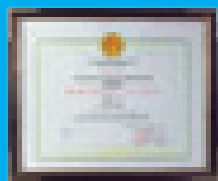
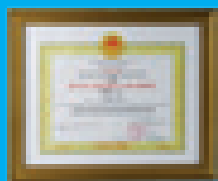
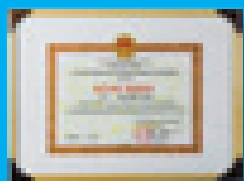
năm 2009” do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán, Trung tâm Thông tin tín dụng, Tạp chí Chứng khoán Việt Nam trao tặng.

- “Thương hiệu hàng đầu Việt Nam năm 2009” - Giải thưởng do Liên Hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật Việt Nam, Viện KHCN Phương Nam và tạp chí Thương Hiệu Việt bình chọn ngày 13/10/2009.

### 2. Cá nhân

Bà Mai Kiều Liên đã đạt các danh hiệu:

- “Nữ Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu - Cúp Bông hồng vàng năm 2008” do Hội đồng Doanh nhân Nữ Việt Nam - Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam bình chọn.
- Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp lao động thương binh - Xã hội” do Chủ tịch Quỹ bảo trợ trẻ em Việt Nam trao tặng.



## CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY



## Vinamilk hiện có các công ty con, liên kết như sau:

STT	Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của Vinamilk
1	Công ty TNHH 1 Thành Viên Bò Sữa Việt Nam	Chăn nuôi bò sữa	220 tỷ đồng	100%
2	Công ty TNHH 1 Thành Viên Đầu tư Bất Động Sản Quốc tế	Chưa hoạt động	160 tỷ đồng	100%
3	Công ty TNHH 1 Thành Viên Bất Động sản Chiến Thắng - Việt Nam (*)	Chưa hoạt động	45 tỷ đồng	100%
4	Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn	Sản xuất kinh doanh các sản phẩm về sữa và nước giải khát.	80 tỷ đồng	55%
5	Công ty Cổ phần Nguyên Liệu Thực Phẩm Á Châu - Sài Gòn	Sản xuất bột crème dùng cho thực phẩm	45 tỷ đồng	20%

(\*): Do Cty TNHH 1 Thành Viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế đầu tư đầu tư 100% vốn.

### CÔNG TY TNHH 1 THÀNH VIÊN BÒ SỮA VIỆT NAM

Tính đến ngày 31/12/2009, Công ty TNHH 1 Thành Viên Bò Sữa Việt Nam (“Công ty bò sữa”) đang quản lý 3 trang trại chăn nuôi bò sữa ở Tuyên Quang, Bình Định và Nghệ An. Tổng đàn bò của 3 trang trại hiện nay là 2.153 con. Sản lượng sữa tươi nguyên liệu cung cấp trong năm đạt 5.200 tấn. Kế hoạch về quy mô mỗi trang trại từ 2.000 đến 3.000 con.

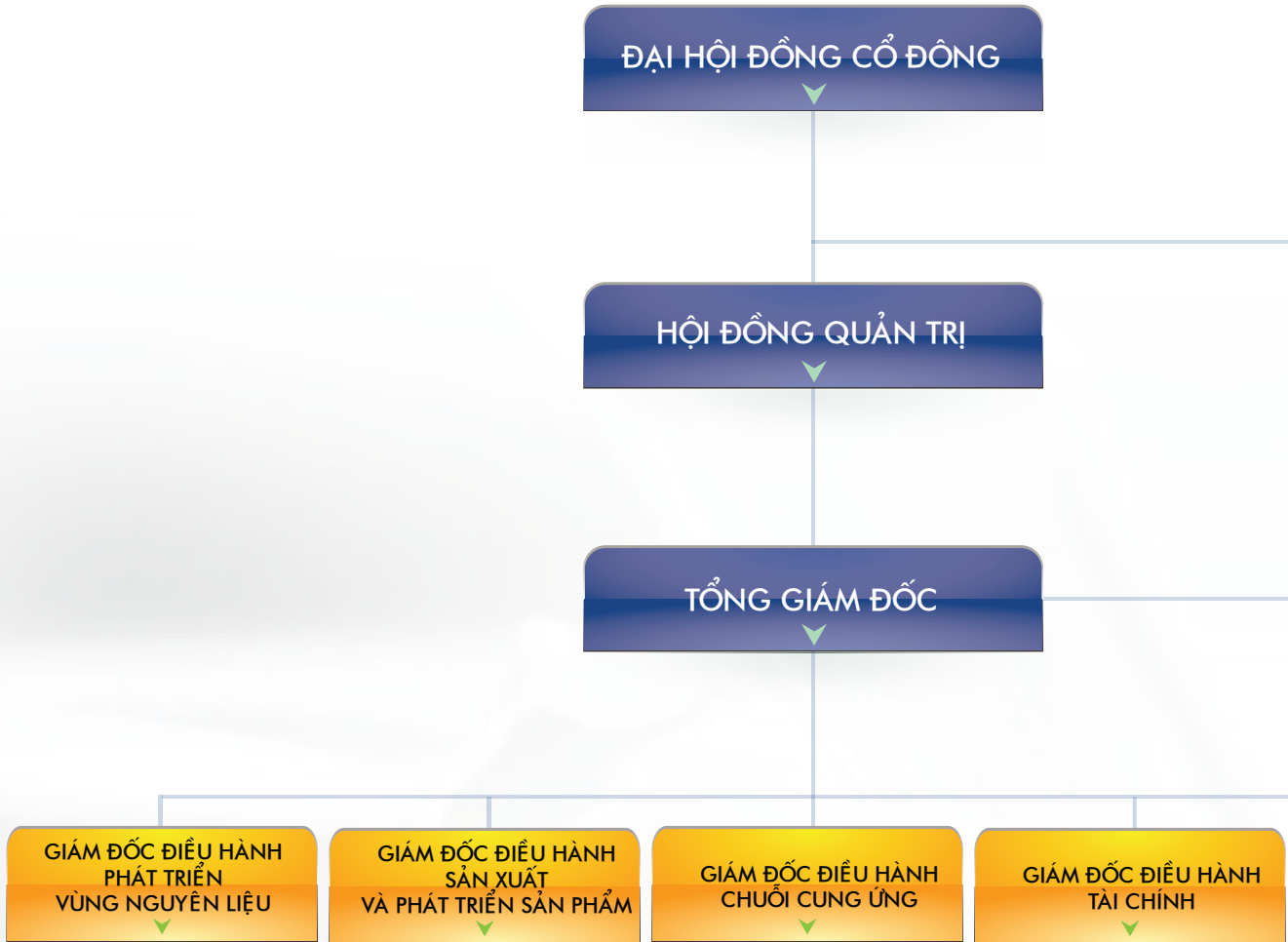
Toàn bộ sản lượng sữa tươi sản xuất ra từ các trang trại sẽ được cung cấp cấp làm nguyên liệu đầu vào cho Công ty mẹ.

Các trang trại đều được đầu tư tốt về con giống, thức ăn đầu vào chất lượng, chuồng trại và công nghệ vắt sữa tiên tiến của Châu Âu để đảm bảo nguồn sữa tươi nguyên liệu có chất lượng tốt nhất. Đây là nguồn sữa nguyên liệu cung cấp để sản xuất dòng sản phẩm sữa tươi nguyên chất 100% cho các nhà máy của công ty mẹ.

### CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA LAM SƠN

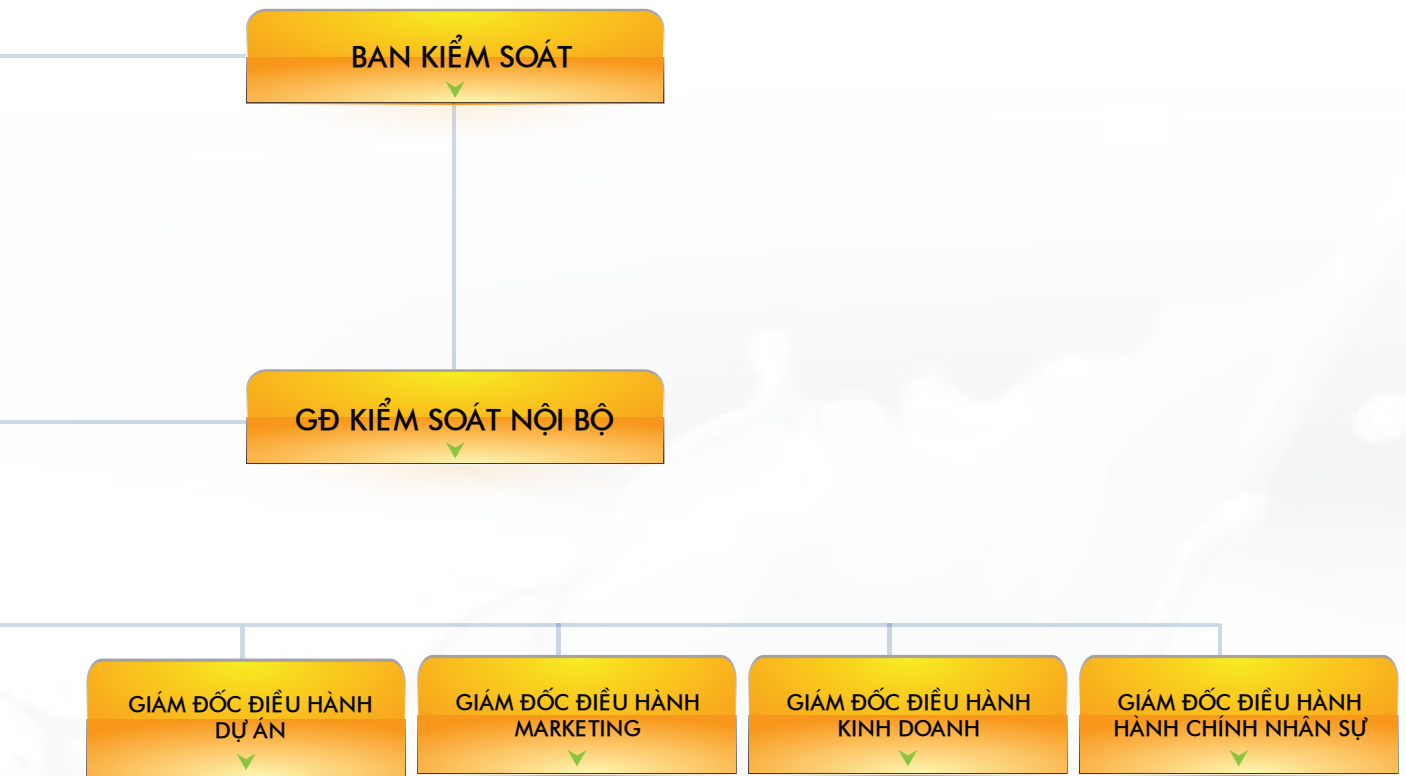
Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn (Lamson milk) do Vinamilk nắm quyền chi phối 55%. Lamson milk hiện có 1 trang trại bò sữa với 820 con. Tổng sản lượng sữa tươi nguyên liệu cung cấp trong năm là 1.860 tấn. Ngoài ra, Lamson milk còn có 1 nhà máy sản xuất các sản phẩm về sữa, nhưng chủ yếu sản xuất theo đơn đặt hàng của Công ty Mẹ.

## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU QUẢN LÝ





VINAMILK



## GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà Mai Kiều Liên



Bà Ngô Thị Thu Trang

### Bà MAI KIỀU LIÊN

Chủ tịch HĐQT,  
kiêm Tổng Giám đốc

Giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT từ 14/11/2003. Từ tháng 8/1976 đến tháng 8/1980, Bà là kỹ sư công nghệ phụ trách sữa đặc có đường tại Nhà máy sữa Trường Thọ.

Từ tháng 9/1980 đến tháng 2/1982, Bà là kỹ sư công nghệ tại phòng Kỹ thuật, Xí Nghiệp Liên hiệp Sữa - Cà phê và Bánh Kẹo I. Từ tháng 2/1982 đến tháng 6/1983, Bà là Phó Giám đốc Kỹ thuật phụ trách sản xuất tại Nhà máy sữa Thống Nhất. Sau khi hoàn tất khóa đào tạo tại Đại học Kinh tế Leningrad tại Liên Bang Xô Viết (nay là nước Nga), Bà được bổ nhiệm vào chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh tế tại Xí Nghiệp Liên hiệp Sữa - Cà phê và Bánh Kẹo I. Tháng 12/1992, Bà được đề bạt vào vị trí Tổng Giám đốc Công ty Sữa Việt Nam. Ngày 14/11/2003, Bà được bầu vào HĐQT và tiếp tục được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc của Công ty. Tháng 3/2007, Bà tiếp tục được ĐHĐCĐ bầu vào HĐQT nhiệm kỳ 2007-2011. Bà Liên tốt nghiệp Đại học từ năm 1976 về chế biến thịt và sữa tại Moscow, Nga. Bà cũng tốt nghiệp chứng chỉ quản lý kinh tế thuộc Đại học Kỹ sư Kinh tế Leningrat, Nga và chứng chỉ quản lý chính trị của Học viện chính trị Quốc gia, Việt Nam.

### Bà NGÔ THỊ THU TRANG

Thành viên HĐQT,  
Giám đốc điều hành  
kiêm Giám đốc Tài chính

Là thành viên HĐQT từ ngày 14/11/2003, là Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Tài chính từ tháng 3/2005. Bà gia nhập Công ty từ năm 1985 với vị trí phân tích tài chính, đến tháng 1/1995 Bà giữ chức vụ Phó phòng kế toán thống kê của Công ty Sữa Việt Nam. Bà giữ chức vụ này đến tháng 12/1997 và giữ chức vụ Trưởng phòng kế toán thống kê từ tháng 1 đến tháng 2/1998. Từ tháng 2/1998 đến tháng 3/2005, Bà giữ chức vụ Kế toán trưởng phụ trách phòng kế toán của Công ty Sữa Việt Nam. Tháng 3/2005, Bà được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Tài chính. Kể từ 20/8/2009 chức vụ của Bà Trang được đổi thành Giám Đốc điều hành Tài chính. Bà Trang tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành tài chính kế toán năm 1984, Đại học Tài chính Kế toán Tp. HCM. Bà cũng đã tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Đại học Mở Bán Công Tp. HCM.





Ông Hoàng Nguyễn Học



Ông Dominic Scriven



Ông Wang Eng Chin

### Ông HOÀNG NGUYỄN HỌC

Thành viên Hội đồng quản trị

Là thành viên HĐQT từ ngày 4/11/2006. Ông Học tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh theo chương trình đào tạo giữa Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Pacific Western năm 2005. Ông đã có nhiều kinh nghiệm về quản lý doanh nghiệp trong thời gian công tác tại Bộ Tài chính Việt Nam. Từ 10/1999 đến 6/2003, Ông Học là Phó Cục trưởng Cục Tài chính Doanh nghiệp. Ông được bổ nhiệm là Cục trưởng Cục Tài chính Doanh nghiệp vào tháng 7/2003 và giữ chức vụ này đến tháng 10/2006. Tháng 10/2006, Ông chuyển sang công tác tại Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC) và hiện đang giữ cương vị Phó Tổng Giám đốc của SCIC, phụ trách về các vấn đề đầu tư, nhân sự, tài chính và kế toán. Tháng 6/2008, Ông Học được Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm làm ủy viên HĐQT của SCIC.

### Ông DOMINIC SCRIVEN

Thành viên Hội đồng quản trị

Là thành viên HĐQT từ ngày 31/3/2005. Ông Dominic Scriven quốc tịch Anh, tốt nghiệp năm 1985 với hai bằng đại học chuyên ngành Luật và Xã Hội tại trường Đại học Exeter. Ông có hơn hai mươi năm kinh nghiệm làm việc với các công ty Anh, Mỹ, Trung Quốc trong lĩnh vực đầu tư ở Châu Âu và Châu Á. Năm 1992 ông theo học tiếng Việt ở trường Đại Học Hà Nội, trước khi trở thành Đồng Sáng Lập Viên và là Giám Đốc Dragon Capital Group tại Việt Nam. Với 16 năm cư trú tại Việt Nam và nói tiếng Việt lưu loát, Ông Dominic Scriven là người đại diện cho các quỹ của Dragon Capital, và tham gia trong năm công ty niêm yết tại Việt Nam. Ông đã được Nữ hoàng Anh trao tặng huân chương OBE “vì những đóng góp cho sự phát triển khu vực tài chính Anh tại Việt Nam” nhân dịp năm mới 2006.

### Ông WANG ENG CHIN

Thành viên Hội đồng quản trị

Là thành viên HĐQT từ ngày 31/03/2007. Ông Wang là chuyên viên phát triển doanh nghiệp năm 1987 và 1988, là Giám đốc từ năm 1988 đến 1991. Ông Wang gia nhập F&N Foods Pte Ltd với chức vụ Giám đốc Kinh doanh năm 1991 đến 1997. Từ năm 1997 đến 2003, Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc của F&N Foods Pte Ltd và F&N Dairies (M) Sdn Bhd. Năm 2003, Ông trở thành Tổng Giám đốc phụ trách quản lý chung F&N Foods Pte Ltd và F&N Vietnam Foods và giữ vị trí này cho đến tháng 9/2006. Ngày 1/10/2006, Ông được bổ nhiệm làm quyền Giám đốc Điều hành phụ trách quản lý chung ngành thực phẩm và giải khát thuộc tập đoàn Fraser & Neave. Ông tốt nghiệp Đại học Mississippi, Mỹ năm 1984, chuyên ngành Quản trị Kinh doanh và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh năm 1987.

## GỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



Bà Mai Kiều Liên



Bà Ngô Thị Thu Trang

### **Bà MAI KIỀU LIÊN**

Tổng Giám đốc

(Xem phần “HĐQT” - Kinh nghiệm và chuyên môn của HĐQT để biết thông tin về Bà Mai Kiều Liên)

### **Bà NGÔ THỊ THU TRANG**

Giám đốc điều hành

(Xem phần “HĐQT” - Kinh nghiệm và chuyên môn của HĐQT để biết thông tin về Bà Ngô Thị Thu Trang)



Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa



Bà Nguyễn Thị Như Hằng



Ông Trần Minh Văn

### **Bà NGUYỄN THỊ THANH HÒA** Giám đốc điều hành

Là Phó Tổng Giám đốc từ năm 2000. Từ năm 1978 đến tháng 6/1983, Bà Hòa là giảng viên tại Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, Bà gia nhập Công ty năm 1983 với vị trí kỹ sư chế biến tại Nhà máy Sữa Trường Thọ. Bà giữ chức Phó Giám đốc, rồi Giám đốc Nhà máy Sữa Trường Thọ từ tháng 7/1991 đến 1999. Tháng 12/1999, Bà Hòa được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc của Công ty. Kể từ 20/8/2009, chức vụ của bà Hòa được đổi thành Giám đốc điều hành Chuỗi cung ứng. Bà hiện đang phụ trách phòng kế hoạch, xuất nhập khẩu, dịch vụ khách hàng, và các xí nghiệp kho vận của Công ty. Bà Hòa tốt nghiệp cử nhân Đại học Công nghệ Chế biến Thịt và Sữa (nay là trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Công nghệ Sinh học Ứng dụng Maxtcova), Moscow năm 1978, chuyên ngành kỹ thuật chế biến sữa.

### **Bà NGUYỄN THỊ NHƯ HẰNG** Giám đốc điều hành

Là Phó Tổng Giám đốc từ tháng 1/2003. Bà Hằng gia nhập Công ty năm 1981 và giữ chức vụ Phó phòng Tiêu thụ cho đến năm 2001. Bà được đề bạt làm Giám đốc Xí Nghiệp Kho Vận từ tháng 8/2001 đến tháng 12/2002. Bà Hằng được thăng chức làm Phó Tổng Giám đốc vào tháng 1/2003, phụ trách phòng dự án. Từ tháng 7/2006, Bà Hằng phụ trách mảng dịch vụ khách hàng và sau đó là lĩnh vực phát triển trang trại bò sữa và phát triển vùng nguyên liệu sữa tươi cho Công ty. Tháng 7/2007, Bà Hằng cũng được bổ nhiệm làm Giám đốc công ty con là Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Việt Nam. Kể từ 20/8/2009, chức vụ của bà Hằng được đổi thành Giám đốc điều hành Phát triển vùng nguyên liệu. Bà Hằng tốt nghiệp cử nhân Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 1999, chuyên ngành Quản trị Kinh doanh.

### **Ông TRẦN MINH VĂN** Giám đốc điều hành

Từ năm 1990 đến tháng 7/1994, Ông Văn là Phó Giám đốc trợ giúp cho Giám đốc Nhà máy Sữa Thống Nhất. Tháng 8/1994, Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Nhà máy Sữa Thống Nhất và giữ chức vụ này đến tháng 6/2006. Ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc phụ trách phòng Dự án của Công ty từ tháng 7/2006. Tháng 12/2006, Ông Văn cũng được bổ nhiệm làm Giám đốc công ty con là Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế. Kể từ 20/8/2009, chức vụ của ông Văn được đổi thành Giám đốc điều hành dự án. Ông Văn tốt nghiệp kỹ sư, Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh năm 1981. Ông cũng tốt nghiệp cử nhân Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 1994, chuyên ngành Quản trị Kinh doanh, cử nhân Đại học Luật Hà Nội, chuyên ngành Luật Thương mại năm 2001 và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh từ Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 2003.

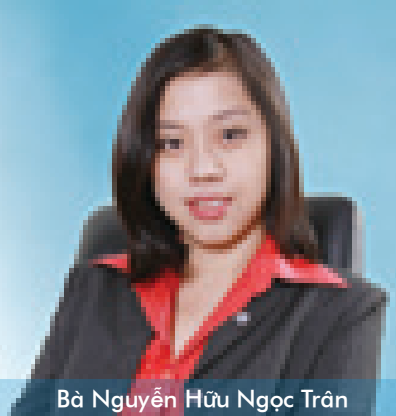
## GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



Ông Phạm Phú Tuấn



Ông Nguyễn Quốc Khánh



Bà Nguyễn Hữu Ngọc Trân

### Ông PHẠM PHÚ TUẤN

Quyền Giám Đốc Điều hành

Ông Tuấn gia nhập Công ty Cổ Phần Sữa Việt Nam tháng 9 năm 2008 với vị trí Giám Đốc Phát Triển Khách Hàng và được đề bạt vào vị trí Quyền Giám Đốc Điều Hành Kinh Doanh tháng 9 năm 2009. Nhiệm vụ của ông Tuấn là hoạch định chiến lược kinh doanh và phân phối cho từng vùng miền, cho từng nhóm ngành hàng, và đặc biệt là tập trung vào việc xây dựng hệ thống phân phối trở thành một trong những lợi thế cạnh tranh đảm bảo cho sự phát triển ổn định và lâu dài của Vinamilk. Trước khi tham gia Vinamilk, ông Tuấn đã đảm nhiệm các vị trí quản lý cao cấp về tài chính và kinh doanh tại các công ty đa quốc gia tại Việt Nam như PepsiCo (1993-2002), Kimberly Clark (2002-2003), và Interflour (2003-2005). Ông Tuấn tốt nghiệp cử nhân Đại Học Tài Chính Kế Toán Tp. HCM năm 1991 và tốt nghiệp Thạc Sĩ Quản Trị Kinh Doanh tại Đại Học Texas, Dallas, năm 2007.

### Ông NGUYỄN QUỐC KHÁNH

Quyền Giám Đốc Điều hành

Giữ chức vụ Quyền Giám Đốc Điều Hành Sản Xuất và Phát Triển Sản Phẩm từ tháng 09/2009, hiện ông đang phụ trách các nhà máy và Trung tâm Nghiên cứu dinh dưỡng & Phát triển sản phẩm của Công ty. Ông Khánh gia nhập công ty từ tháng 01 năm 1988 với vị trí KCS tại phòng Kiểm Nghiệm của nhà máy Sữa Thống Nhất. Đến 1996 Ông Khánh giữ chức vụ Phó Quản Đốc Phân Xưởng Sản Xuất, và là Quản Đốc Phân Xưởng Sản Xuất của nhà máy Sữa Thống Nhất vào năm 1998. Năm 2003 Ông Khánh được điều động giữ chức vụ Quyền Giám Đốc nhà máy Sữa Cần Thơ. Năm 2004 ông được bổ nhiệm vào vị trí Giám Đốc nhà máy Sữa Cần Thơ và giữ chức vụ này đến 09/2009. Ông Khánh tốt nghiệp Đại Học Bách Khoa Thành Phố Hồ Chí Minh năm 1987 chuyên ngành Kỹ Thuật Hoá Học và Thực Phẩm. Ông cũng tốt nghiệp Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

năm 1997 chuyên ngành Quản trị Kinh doanh và Đại Học Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn Thành Phố Hồ Chí Minh năm 2001 chuyên ngành Ngữ Văn Anh.

### Bà NGUYỄN HỮU NGỌC TRÂN

Quyền Giám Đốc Điều hành

Bà Trân gia nhập Công ty Cổ Phần Sữa Việt Nam tháng 7 năm 2008 với vị trí Giám Đốc Hoạch định Chiến lược Marketing. Tháng 8 năm 2009 bà được bổ nhiệm vào vị trí Quyền Giám Đốc Điều hành Marketing, chịu trách nhiệm hoạch định chiến lược phát triển Marketing của các ngành hàng Sữa và nước giải khát. Trước đó, bà Trân đã từng đảm nhiệm vị trí Giám Đốc Marketing tại công ty Pepsi Việt Nam từ năm 2003 và năm 2005 bà được điều chuyển sang công ty Pepsi Malaysia trong vai trò Giám đốc Marketing. Trước khi gia nhập Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam, bà Trân cũng đã từng công tác tại tập đoàn Tân Hiệp Phát với vị trí Giám đốc Marketing. Bà Trân tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế trường Đại học Ngoại thương Tp. HCM.

## GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai



Ông Nguyễn Anh Tuấn



Ông Nguyễn Trung Kiên

### Bà NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI

Trưởng Ban kiểm soát

Là thành viên BKS từ tháng 3/2007 và trở thành trưởng BKS từ tháng 3/2008. Từ năm 1993 đến 1997, Bà Mai giữ chức vụ Trưởng Bộ phận Tín dụng Thương mại Quốc tế và Trưởng Bộ phận Tín dụng Doanh nghiệp tại ngân hàng ANZ, chi nhánh Hà Nội. Từ năm 1999 đến 2003, Bà là Chuyên viên Bộ phận Tín dụng Đầu tư Khách hàng Doanh nghiệp, sau đó giữ chức vụ Trưởng Bộ phận Tín dụng Cấu trúc Khối Thương mại Quốc tế và Hàng hóa, phụ trách lĩnh vực quản lý quan hệ doanh nghiệp thuộc bộ phận doanh nghiệp, chiến lược ngân hàng quốc tế, cấu trúc sản phẩm, tài chính thương mại và quản lý tín dụng khu vực Châu Á tại ngân hàng Đầu tư ANZ Singapore. Từ năm 2004 đến 5/2007, Bà giữ chức vụ Quản trị viên cao cấp tại văn phòng đại diện của Công ty TNHH Tư vấn Openasia Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tháng 6/2007, Bà được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc tài chính doanh nghiệp phụ trách lĩnh vực tư vấn tài chính tại Công ty TNHH Tư vấn Openasia Việt Nam. Bà Mai tốt nghiệp cử nhân Đại học Ngoại ngữ Hà Nội năm 1991, chuyên ngành Anh Văn và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh của Đại học Melbourne năm 1999.

### ÔNG NGUYỄN ANH TUẤN

Thành viên Ban kiểm soát

Thành viên BKS từ tháng 3/2008. Ông Tuấn là sáng lập viên, chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Trang thiết bị Y tế Cống Vàng từ năm 2004. Ông Tuấn cũng thành viên HĐQT bệnh viện tim Tâm Đức. Từ năm 1990 đến năm 1992, Ông là cán bộ phòng nghiên cứu tín dụng tiền tệ tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Từ năm 1992 đến 1994, Ông là cán bộ kinh doanh Công ty Vàng bạc Đá quý, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Năm 1994, Ông chuyển sang làm nhân viên kinh doanh tại văn phòng đại diện Taisei Corporation của Nhật và công tác tại đây đến năm 1997. Năm 1999, ông tham gia vào công ty Johnson & Johnson Medical, Mỹ ở cương vị Giám đốc Marketing khu vực ASEAN đến năm 2004. Ông Tuấn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Đại học American, Washington D.C., Mỹ.

### Ông NGUYỄN TRUNG KIÊN

Thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát từ tháng 03 năm 2009, ông Kiên là sáng lập viên và là Giám đốc điều hành của TNK Capital tại Việt Nam từ đầu năm 2008 đến nay. Từ năm 2001, ông là chuyên viên phân tích về mua bán sáp nhập công ty và tài chính doanh nghiệp tại ngân hàng đầu tư Credit Suisse First Boston, Singapore. Sau đó, ông Kiên chuyển sang làm chuyên viên về cấu trúc tài chính tại chi nhánh Ngân hàng Commonwealth Bank của Úc ở New York, Mỹ. Từ năm 2004 đến 2005, ông là chuyên viên cao cấp trong bộ phận phát triển doanh nghiệp, nghiên cứu và thực hiện các hoạt động mua bán sáp nhập của ngân hàng OCBC, Singapore. Sau đó, ông chuyển sang làm chuyên viên cao cấp về đầu tư cho tập đoàn Temasek Holdings, Singapore. Ông tốt nghiệp Cử nhân Tài chính Ứng dụng, ĐH Macquarie, Úc và sau đó lấy bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, ĐH Chicago, Mỹ.

## QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- » Báo cáo quản trị
- » Quản lý rủi ro
- » Quan hệ nhà đầu tư
- » Hoạt động cộng đồng





Cuộc sống **THẬT**

## NỘP NGÂN SÁCH

# 1.000

tỷ đồng

cao nhất từ trước đến nay

### A. CÁC VẤN ĐỀ VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (“HĐQT”)

#### Cách điều hành và Nhiệm vụ của HĐQT

Vinamilk được điều hành và quản lý bởi một HĐQT hiệu quả. HĐQT chịu trách nhiệm chung về đề ra tầm nhìn, định hướng và các mục tiêu chiến lược lâu dài của Công ty.

HĐQT chịu trách nhiệm chọn lọc, bổ nhiệm và đánh giá kết quả làm việc hàng năm của Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý then chốt khác và đảm bảo cho kế hoạch phát triển và kế tục cho tất cả các vị trí quan trọng nhằm dự phòng khi có sự việc bất ngờ xảy ra, cũng như đảm bảo sự tạo điều kiện cho sự chuyển tiếp điều hành doanh nghiệp được thuận lợi.

HĐQT nhấn mạnh bảy giá trị cốt lõi: Tôn trọng, ý chí, cởi mở, chính trực, hài hòa các lợi ích, hiệu

quả và sáng tạo là những nguyên tắc cơ bản đối với gắn liền với hình ảnh và uy tín của Công ty.

HĐQT làm việc rất chặt chẽ với ban lãnh đạo để đạt được nội dung này và ban lãnh đạo công ty chịu trách nhiệm báo cáo và giải trình cho HĐQT.

#### Qui mô HĐQT

HĐQT hiện tại bao gồm năm thành viên, phù hợp cho việc quản lý với qui mô hoạt động sản xuất kinh doanh của Vinamilk. Số lượng thành viên HĐQT hiện tại là có khả năng đáp ứng đầy đủ các ý kiến đại diện trong HĐQT, đồng thời chú ý đến tính hiệu quả và khuyến khích sự trao đổi tích cực giữa các thành viên HĐQT.



Vinamilk nhận định rằng quản trị doanh nghiệp tốt là nền tảng của doanh nghiệp được quản lý tốt. Báo cáo này trình bày những nguyên tắc và cơ cấu quản trị doanh nghiệp của Vinamilk theo hướng dẫn của thông tư 12/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 13 tháng 3 năm 2007 về “quản trị doanh nghiệp áp dụng cho các tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam” và theo “chuẩn mực quản trị doanh nghiệp 2005” của Singapore.

## Nhiệm kỳ

HĐQT có nhiệm kỳ tối đa là năm năm. Thành viên HĐQT cũng phải đệ trình cho Đại hội đồng cổ đông để bầu chọn và bổ nhiệm lại tại cuộc họp bất thường hoặc ít nhất là năm năm một lần. Điều lệ của Công ty qui định một phần ba thành viên HĐQT phải được bầu lại tại Đại hội đồng cổ đông hàng năm. Theo qui định này, Ông Hoàng Nguyên Học và Ông Dominic Scriven đã được bầu lại tại Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào tháng 3 năm 2009.

## Sự ủy quyền một số vấn đề của HĐQT

Nhằm tạo điều kiện cho việc quản lý hiệu quả, HĐQT đã giao quyền một số chức năng của mình cho các tiểu ban của HĐQT như sau:

- Tiểu ban Nhân sự
- Tiểu ban Đãi ngộ
- Tiểu ban Kiểm toán

Các tiểu ban này hoạt động theo các nguyên tắc, thông lệ rõ ràng và cụ thể. Mọi thành viên HĐQT có thể tham khảo ý kiến tư vấn độc lập và sử dụng sự đánh giá độc lập của mình khi ra quyết định.

## Phân cấp quản lý

Công ty đã áp dụng chế độ phân cấp quản lý, qui định các mức thẩm quyền cho từng nghiệp vụ cụ thể, bao gồm cả những nghiệp vụ thuộc thẩm quyền của HĐQT.

## Họp và tham dự các cuộc họp HĐQT

HĐQT họp định kỳ hàng quý trong năm. Các cuộc họp bất thường cũng được triệu tập khi có yêu cầu. Cuộc họp HĐQT có thể được tiến hành thông qua điện thoại, các phương tiện thông tin truyền thông trực tiếp hoặc điện báo. Mỗi thành viên HĐQT có thể lấy ý kiến tư vấn độc lập và đánh giá độc lập khi đưa ra quyết định của mình. Ban Kiểm soát cũng được thông báo và mời tham dự các cuộc họp của HĐQT.

Báo cáo ghi nhận sự tham gia của thành viên HĐQT tại các cuộc họp HĐQT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

TT	Họ và tên	Số cuộc họp	Số lần tham dự
1	Bà Mai Kiều Liên	4	4/4
2	Bà Ngô Thị Thu Trang	4	4/4
3	Ông Hoàng Nguyên Học	4	3/4
4	Ông Dominic Scriven	4	4/4
5	Ông Wang Eng Chin	4	4/4

## BÁO CÁO QUẢN TRỊ

### Thành phần và cơ cấu HĐQT

HĐQT gồm có ba thành viên không trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Không có một thành viên hoặc một nhóm thành viên thiểu số nào có ảnh hưởng chi phối các quyết định chung của HĐQT.

HĐQT gồm có các thành viên sau:

Bà Mai Kiều Liên	:	Chủ tịch
Bà Ngô Thị Thu Trang	:	Thành viên
Ông Hoàng Nguyên Học	:	Thành viên
Ông Dominic Scriven	:	Thành viên
Ông Wang Eng Chin	:	Thành viên

Tiểu sử sơ lược của các thành viên HĐQT được nêu tại trang 48 của báo cáo thường niên này.

Vinamilk có cơ cấu thành viên rất tốt được thể hiện là các thành viên có năng lực và kinh nghiệm sâu rộng về lĩnh vực kinh doanh, tài chính, kế toán và quản trị doanh nghiệp. Sự đánh giá khách quan của các thành viên HĐQT độc lập đối với công việc, kinh nghiệm và sự đóng góp của họ là rất có giá trị cho Vinamilk.

### Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc

Chủ tịch HĐQT đồng thời cũng là Tổng Giám đốc của Công ty. Việc bổ nhiệm này được phê chuẩn bởi Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

Chủ tịch là người đứng đầu HĐQT để đảm bảo truyền tải thông tin hiệu quả với cổ đông, khuyến khích mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa HĐQT và ban quản lý của Công ty, và thúc đẩy nâng cao chuẩn mực quản trị Công ty.

### Tư cách thành viên HĐQT

Công ty duy trì một qui trình chính thức và minh bạch cho việc chọn lọc và bổ nhiệm thành viên mới vào HĐQT. Bất kỳ sự bổ nhiệm thành viên mới nào cũng phải trải qua một qui trình bổ nhiệm chính thức: HĐQT bổ nhiệm thành viên mới và sau đó sẽ đệ trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn chính thức sự bổ nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

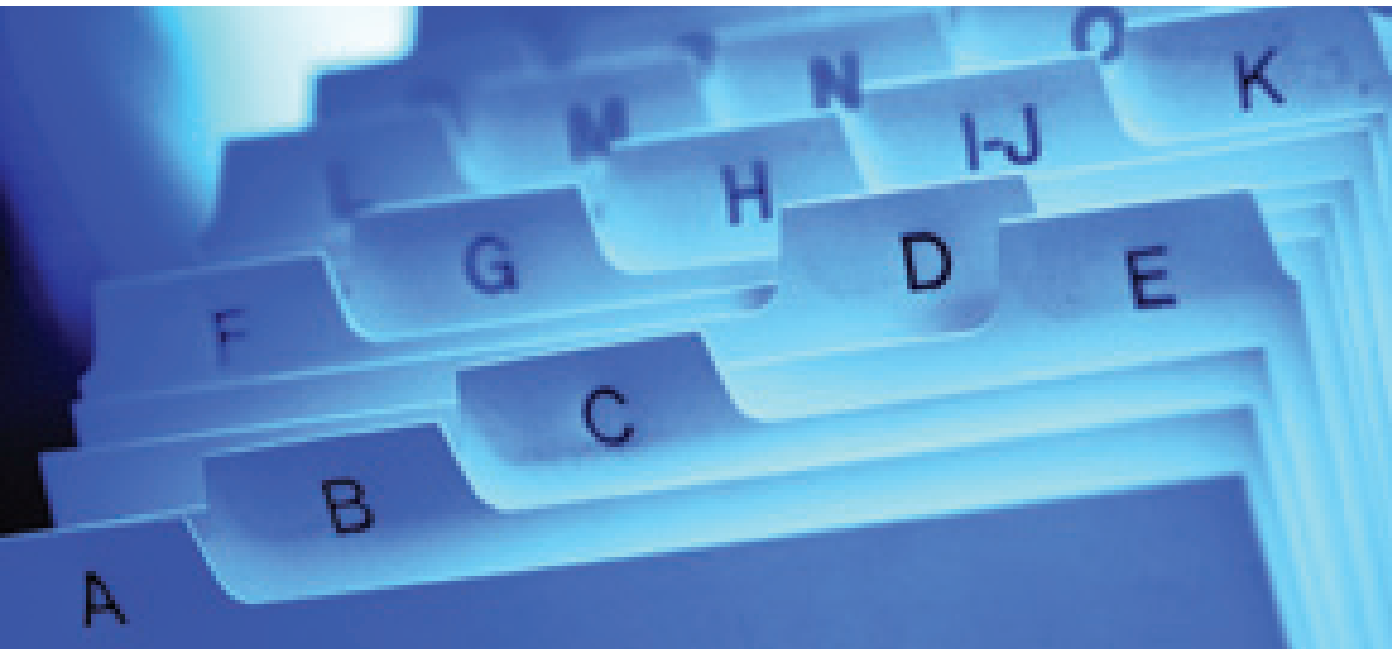
### Đánh giá năng lực của HĐQT

Công ty có duy trì sự đánh giá chính thức về hiệu quả làm việc của HĐQT nói chung và sự đóng góp của từng thành viên HĐQT.

### Hoạt động của các tiểu ban của HĐQT

Bên cạnh những định kỳ thực hiện như xem xét kết quả kinh doanh, phê duyệt kế hoạch cho kỳ sắp tới, vạch ra chiến lược phát triển của Công ty, trong năm 2009, các tiểu ban của HĐQT đã thực hiện các công tác sau:

- Xây dựng chính sách thù lao cho HĐQT, Ban Kiểm soát, và chính sách lương và thưởng nhân viên. Theo đó, nguyên tắc của chế độ thưởng cho nhân viên là dựa trên tốc độ tăng trưởng của thu nhập bình quân trên mỗi cổ phần (EPS) so với tốc độ tăng trưởng của tổng sản phẩm quốc nội (GDP), tỷ lệ lạm phát, lãi suất phi rủi ro (risk-free rate) và mức độ rủi ro của thị trường vốn Việt Nam theo đánh giá của các tổ chức tài chính.
- Xây dựng chương trình cổ phiếu của nhân viên theo kết quả kinh doanh. Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2006, chương trình cổ phiếu nhân viên được phát hành hàng năm trong suốt giai đoạn 2007 - 2011. Tuy nhiên, đến năm 2009 Vinamilk mới lần đầu tiên phát hành theo chương trình này.



- Triển khai dự án về xây dựng hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp (Enterprise Risk Management – ERM) với sự tư vấn của Công ty TNHH Ernst & Young. Các chính sách và quy trình về ERM sẽ chính thức được áp dụng tại Vinamilk từ năm 2010. Việc áp dụng ERM sẽ giúp Vinamilk xác định, đánh giá và xử lý rủi ro trong hoạt động kinh doanh tốt hơn.
- Xem xét kết quả của việc xây dựng cấu trúc lương theo hệ thống Mercer do Công ty thực hiện kết hợp với công ty tư vấn TalentNet. Việc xây dựng cấu trúc lương bao gồm hoàn thiện mô tả công việc cho các vị trí, hoàn tất đánh giá vị trí công việc để ra cấp bậc công việc (position class) cho từng vị trí công việc, xây dựng cấu trúc lương cạnh tranh trên thị trường so với các doanh nghiệp trong ngành tiêu dùng nhanh tại Việt Nam

### Quyền truy cập thông tin

Các thành viên HĐQT được cung cấp một cách đầy đủ, kịp thời và thường xuyên các thông tin liên quan đến Công ty để họ có thể thực hiện nhiệm vụ của mình.

Ban Điều hành cung cấp thông tin một cách đầy đủ và kịp thời, cũng như xem xét kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trước khi tổ chức cuộc họp HĐQT.

HĐQT có quyền độc lập truy cập thông tin của Vinamilk từ các thành viên Ban Điều hành cao cấp và Thư ký của Công ty khi họ cần hiểu rõ về bất kỳ vấn đề liên quan đến hoạt động của Vinamilk.

Trước khi triệu tập họp HĐQT sẽ có thông báo kèm theo chương trình nghị sự đến HĐQT. Thư ký HĐQT sẽ tham gia tất cả các cuộc họp và đảm bảo rằng cuộc họp được tiến hành theo đúng thủ tục và qui định của pháp luật.

Thư ký của Công ty bao gồm:

- Ông Nguyễn Thanh Tú  
Chánh Văn phòng
- Bà Lê Quang Thanh Trúc  
Trưởng Ban Đầu tư Tài chính

### B. CÁC VẤN ĐỀ VỀ TIỀN THÙ LAO

#### Chính sách Thù lao

Tiểu ban Đãi ngộ xem xét và đề xuất với HĐQT chính sách tiền lương phù hợp và cạnh tranh. Việc quyết định thù lao cho từng thành viên HĐQT, và lương cho Ban điều hành phải được phê chuẩn thông qua một qui trình chính thức và minh bạch. Không thành viên nào được tự quyết định mức lương của mình.

Tiểu ban Đãi ngộ gồm có:

Ông Hoàng Nguyên Học	:	Trưởng tiểu ban
Ông Dominic Scriven	:	Thành viên
Ông Wang Eng Chin	:	Thành viên

Tiểu ban Đãi ngộ đề xuất cho HĐQT phê chuẩn khung tiền thù lao cho từng thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT và lương của Tổng Giám đốc.

#### Mức tiền lương và cơ cấu lương

Mức tiền lương cần phù hợp để thu hút, giữ và khích lệ thành viên HĐQT, Ban Điều hành để điều hành Vinamilk thành công. Một phần của tiền lương sẽ căn cứ vào kết quả hoạt động chung của Công ty và của từng cá nhân.

Khi đề ra tiền lương, Tiểu ban Đãi ngộ xem xét đến các yếu tố về tiền lương và việc làm trong cùng ngành, so sánh với các công ty tương đương, kết quả hoạt động của Vinamilk nói chung và cũng như từng cá nhân thành viên HĐQT và nhân viên chủ chốt. Chương trình xét thưởng hàng năm cũng được áp dụng cho toàn nhân viên trong công ty.

Tiền thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát đã được Đại Hội đồng Cổ đông phê chuẩn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 2.96 tỷ đồng, tương đương 160.000 đô la Mỹ



### Công bố tiền lương

Tiền lương của tất cả thành viên HĐQT và Ban Điều hành được công bố hàng năm. Nội dung công bố này giúp nhà đầu tư hiểu mối liên hệ giữa tiền lương của Ban điều hành, vị trí chủ chốt với thành tích của họ.

Mức tiền lương	Lương %	Thưởng %	Thù lao %	Tổng cộng %
Bà Mai Kiều Liên (***)	52	34	14	100
Bà Ngô Thị Thu Trang (*) (**)	48	31	21	100
Ông Hoàng Nguyên Học (**)	-	-	100	100
Ông Dominic Scriven (**)	-	-	100	100
Ông Wang Eng Chin (**)	-	-	100	100
Ông Trần Minh Văn (*)	61	39	-	100
Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa (*)	61	39	-	100
Bà Nguyễn Thị Như Hằng (*)	60	40	-	100
Bà Nguyễn Hữu Ngọc Trân (*)	82	18	-	100
Ông Phạm Phú Tuấn (*)	83	17	-	100
Ông Nguyễn Quốc Khánh (*)	74	26	-	100

(\*) : Giám đốc Điều hành      (\*\*) : Thành viên HĐQT      (\*\*\*) : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

### C. TRÁCH NHIỆM VÀ KIỂM TOÁN

#### Trách nhiệm

HĐQT chịu trách nhiệm trước các cổ đông của Công ty và Ban Điều hành chịu trách nhiệm trước HĐQT. HĐQT chịu trách nhiệm trình bày bảng đánh giá cân đối và có thể hiểu về tình hình và triển vọng của Công ty trong báo cáo thường niên và các báo cáo thường kỳ khác, chẳng hạn như báo cáo thường kỳ cho cơ quan chức năng theo qui định.

HĐQT họp định kỳ hàng quý nhằm xem xét và đánh giá kết quả hoạt động của Vinamilk. Báo cáo tài chính đầy đủ và tóm tắt hàng quý được gửi cho Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE"). Đại hội Đồng Cổ đông thường niên được tổ chức hàng năm để cổ đông phê chuẩn các chỉ tiêu kinh doanh của Công ty.

#### Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát hoạt động theo quy chế và thông lệ được qui định bằng văn bản với nhiệm vụ và quyền hạn rõ ràng. Ban Kiểm soát xem xét phạm vi công việc và kết quả của kiểm toán nội bộ, kiểm toán độc lập, hiệu quả chi phí, những vấn đề báo cáo tài chính trọng yếu và tính đầy đủ của hệ thống kiểm soát nội bộ cũng như tính hiệu lực của chức năng kiểm toán nội bộ của Công ty.

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra có ba thành viên với nhiệm kỳ năm năm. Nhiệm kỳ hiện tại là từ năm 2007 đến 2011. Tất cả các thành viên Ban kiểm soát không phải là nhân viên của Vinamilk.

Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	:	Trưởng Ban
Bà Ngô Thanh Thảo	:	Thành viên (từ nhiệm từ ngày 31/03/2009)
Ông Nguyễn Trung Kiên	:	Thành viên (từ ngày 31/03/2009)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	:	Thành viên

Thành viên Ban kiểm soát có đủ tư cách và năng lực để thực hiện nhiệm vụ của mình. Họ có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn trong lĩnh vực liên quan về quản lý tài chính, kế toán.

Ban kiểm soát có thẩm quyền kiểm tra bất kỳ vấn đề nào trong phạm vi trách nhiệm của họ, có đầy đủ quyền tiếp cận và làm việc với Ban điều hành công ty, có quyền mời bất kỳ thành viên HĐQT, nhân sự quản lý tham dự cuộc họp với họ. Ban kiểm soát có nguồn lực hợp lý để thực hiện chức năng của mình một cách hoàn chỉnh.

Hàng năm hoặc khi cần thiết, Ban kiểm soát sẽ làm việc với kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập mà không cần có sự tham gia của Ban điều hành Công ty.



Ban kiểm soát xem xét sự phù hợp về tính độc lập và khách quan của kiểm toán độc lập và đề xuất cho HĐQT và đề nghị bổ nhiệm lại kiểm toán độc lập. Ban kiểm soát xem xét mức độ và tính độc lập của kiểm toán độc lập đối với các dịch vụ phi kiểm toán do kiểm toán độc lập thực hiện để đảm bảo rằng tính độc lập của kiểm toán độc lập đối với Công ty không bị ảnh hưởng.

### Kiểm soát Nội bộ

HĐQT đảm bảo rằng Ban Điều hành duy trì một hệ thống kiểm soát nội bộ đầy đủ và hoàn chỉnh nhằm bảo vệ tài sản của Vinamilk và vốn đầu tư của cổ đông.

HĐQT và Ban Kiểm soát sẽ xem xét tính hiệu quả của các công cụ kiểm soát nội bộ chính yếu nhằm đảm bảo rằng các hành động khắc phục được thực hiện kịp thời. Thủ tục chính thức được áp dụng cho cả kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập trong việc lập báo cáo kết luận và đề xuất ý kiến của họ cho Ban Điều hành và Ban Kiểm soát.

### Quan hệ với Cổ đông

Vinamilk thông tin một cách thường xuyên với cổ đông và luôn cam kết công bố kịp thời và minh bạch đến cổ đông và công chúng. Nhiều cuộc họp, đối thoại và tiếp xúc của các nhà đầu tư, chuyên gia phân tích, quỹ đầu tư và báo chí được thực hiện trong năm. Những thông tin quan trọng được công bố đến Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM và được công bố trên website của Công ty tại địa chỉ:

[www.vinamilk.com.vn](http://www.vinamilk.com.vn)

Vinamilk khuyến khích tất cả cổ đông tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty và tạo điều kiện cho cổ đông phát biểu ý kiến nhận xét của mình về các vấn đề có liên quan đến Vinamilk.

## VỐN ĐIỀU LỆ

# 3.512

tỷ đồng  
cao nhất từ trước đến nay

### D. THÔNG TIN CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

Vốn điều lệ của Công ty	:	<b>3.512.653.000.00</b> đồng
Khối lượng cổ phiếu niêm yết	:	<b>351.265.300</b> cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	:	<b>351.249.980</b> cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ	:	<b>15.320</b> cổ phiếu
Mệnh giá 1 cổ phiếu	:	<b>10.000</b> đồng

#### Cơ cấu cổ đông

	2009	2008
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	47,54%	47,64%
Cổ đông nước ngoài	44,11%	44,58%
Cổ đông trong nước (trừ SCIC)	8,25%	7,88%
	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>



Trong năm 2009, Vinamilk đã chia cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 để tăng vốn điều lệ lên gấp đôi. Cổ phiếu thưởng này được trích từ thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận chưa phân phối của Công ty. Cổ phiếu thưởng được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 15 tháng 10 năm 2009.

### Thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông nội bộ

	01/01/2009	Thay đổi	31/12/2009	
<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>				
1	Mai Kiều Liên			
	- Đại diện cho SCIC	23,8299%	-0,0598%	23,7701%
	- Cá nhân	0,0972%	0,0273%	0,1245%
2	Ngô Thị Thu Trang	0,0446%	0,0072%	0,0519%
3	Hoàng Nguyên Học (đại diện cho SCIC)	23,8299%	-0,0598%	23,7701%
4	Dominic Scriven (đại diện các quỹ của Dragon Capital)	8,8997%	-0,2083%	8,6915%
5	Wang Eng Chin (đại diện cho F&N Dairy Investment)	10,0803%	-0,0205%	10,0598%
<b>BAN KIỂM SOÁT</b>				
1	Nguyễn Anh Tuấn	0,0000%	0,0000%	0,0000%
2	Nguyễn Trung Kiên	0,0029%	0,0000%	0,0028%
3	Nguyễn Thị Tuyết Mai	0,0030%	0,0000%	0,0030%
<b>BAN ĐIỀU HÀNH</b>				
1	Mai Kiều Liên (như trên)			
2	Ngô Thị Thu Trang (như trên)			
3	Nguyễn Thị Như Hằng	0,0379%	-0,0112%	0,0266%
4	Nguyễn Thị Thanh Hòa	0,0479%	-0,0155%	0,0325%
5	Trần Minh Văn	0,0297%	-0,0135%	0,0162%
6	Nguyễn Hữu Ngọc Trân	0,0002%	0,0000%	0,0002%
7	Phạm Phú Tuấn	0,0001%	0,0005%	0,0006%
8	Nguyễn Quốc Khánh	0,0015%	0,0017%	0,0032%

### Thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn

	Thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn	2008	Thay đổi trong năm	2009
1	SCIC	47,6598%	-0,1197%	47,5401%
2	F&N Dairy Investment	10,0803%	-0,0205%	10,0598%

## QUẢN LÝ RỦI RO

Với qui mô và phạm vi hoạt động ngày càng được mở rộng và phát triển, Vinamilk luôn coi trọng vấn đề quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Năm 2009, Vinamilk đang được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam tư vấn để thiết lập và hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro (ERM) và dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2010.

### Rủi ro Ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ phát sinh khi có sự khác biệt đáng kể giữa các khoản phải thu và các khoản nợ phải trả theo cùng đồng ngoại tệ. Rủi ro ngoại tệ này không ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả kinh doanh trong năm 2009, nhưng có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả kinh doanh của Vinamilk trong những năm tới. Vinamilk luôn xem xét và sử dụng các công cụ tài chính cần thiết để hạn chế rủi ro này theo từng thời điểm thích hợp.

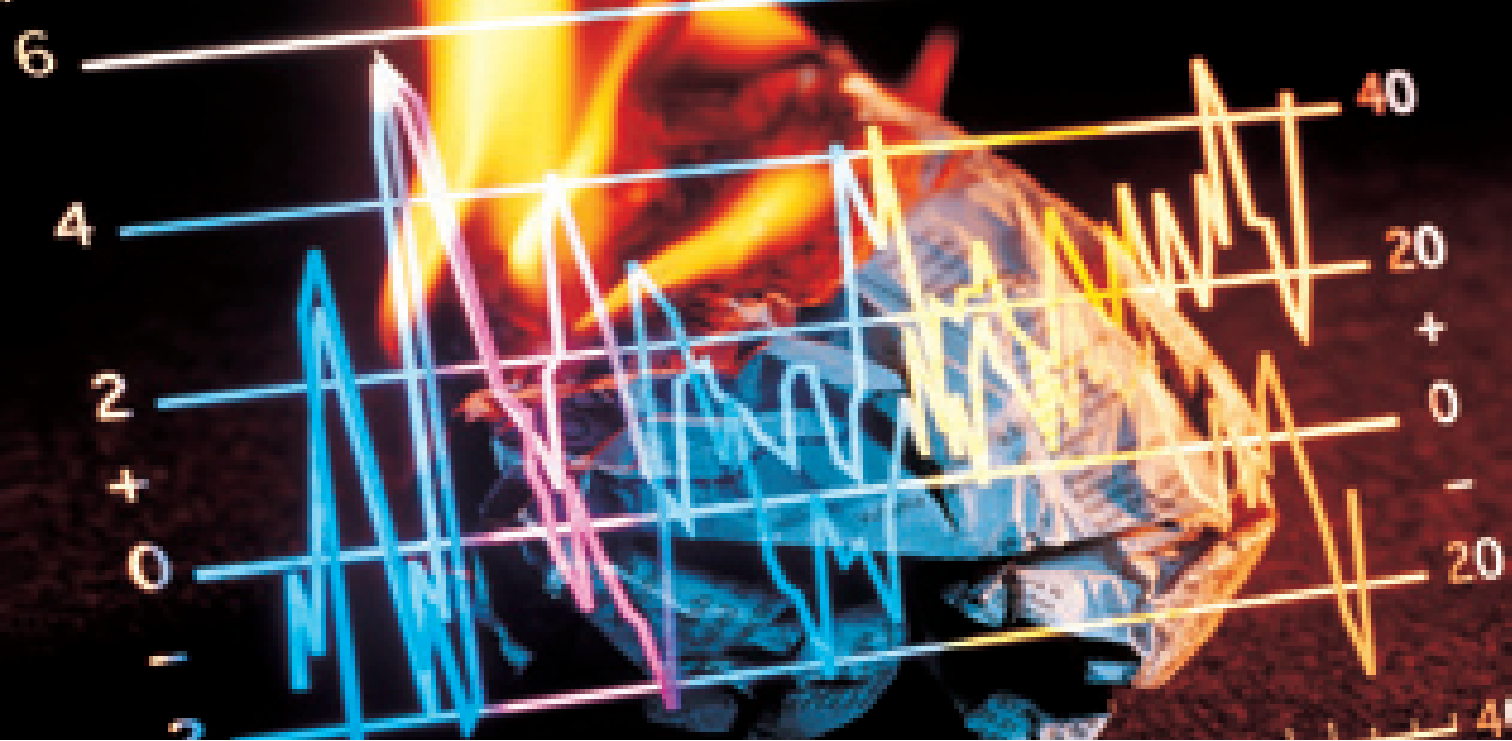
### Rủi ro về tính thanh khoản

Vinamilk chịu rủi ro về tính thanh khoản trong hoạt động kinh doanh chung của Công ty. Rủi ro này bao gồm cả việc huy động nguồn vốn cho các hoạt động kinh doanh của Công ty một cách kịp thời theo yêu cầu. Vinamilk vận dụng hình thức thận trọng trong việc quản lý rủi ro thanh khoản này bằng cách duy trì đủ lượng tiền và các loại chứng khoán có tính thanh khoản tốt, duy trì nguồn huy động vốn có sẵn đã cam kết và không cam kết từ các ngân hàng khác nhau.

### Rủi ro Nợ tín dụng

Rủi ro tối đa mà Vinamilk gánh chịu trong trường hợp tất cả khách hàng không có khả năng thanh toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 là giá trị nợ phải thu khách hàng thuần được thể hiện trên bảng cân đối kế toán. Vinamilk có những chính sách quản lý Nợ phải thu hoạt động hiệu quả để đảm bảo việc bán hàng được thực hiện cho những khách hàng có tình hình tín dụng phù hợp.

	2009	2008
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền	426	339
Nợ vay	26	211
Nợ vay thuần	-	-



### Tin cậy vào Nhân sự quản lý chủ chốt

Mặc dù Công ty không phụ thuộc vào bất kỳ cá nhân nào trong Hội đồng Quản trị hoặc Ban điều hành, sự thành công của chúng tôi phụ thuộc chủ yếu vào kỹ năng, năng lực và sự phấn đấu của cả Hội đồng Quản trị, Ban điều hành, cũng như khả năng tuyển dụng và giữ nhân tài để tiếp bước cho các vị trí này. Khả năng tiếp tục thu hút, giữ và động viên nhân sự cao cấp chủ chốt là thành viên Hội đồng Quản trị và Ban điều hành có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Sự cạnh tranh về nhân sự có kỹ năng và năng lực là cao, và việc mất đi sự đóng góp của một hay nhiều nhân sự ở những vị trí này mà không có đủ nhân sự thay thế hoặc không có khả năng thu hút nhân sự mới có năng lực với chi phí hợp lý sẽ làm ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh và hoạt động của Công ty. Vinamilk đã và đang áp dụng chính sách đãi ngộ để khích lệ và thu hút nhân tài.

### Rủi ro Thị trường xuất khẩu

Công ty hiện đang xuất khẩu sản phẩm sang Iraq, Campuchia và một số nước khác ở Châu Á và Châu Âu. Nhu cầu ở các thị trường này phụ thuộc vào sự ổn định về kinh tế và chính trị của các quốc gia này. Vì Iraq là một trong những thị trường chính cho xuất khẩu, nên nếu có biến động về kinh tế, chính trị và xã hội của đất nước này sẽ có thể làm ảnh hưởng không tốt đến kết quả kinh doanh của Công ty. Vinamilk đang tập trung vào thị trường chính của mình là thị trường nội địa. Đồng thời tìm kiếm và mở rộng xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng khác để hạn chế rủi ro này.

VINAMILK ĐANG DUY TRÌ KÊNH THÔNG TIN HIỆU QUẢ ĐẾN NHÀ ĐẦU TƯ THÔNG QUA CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN ĐƯỢC TỔ CHỨC HÀNG NĂM VÀ THÔNG QUA BỘ PHẬN QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ.



Kết quả hoạt động kinh doanh và các thông tin quan trọng của Vinamilk được công bố đầy đủ trên website của Vinamilk tại địa chỉ:

[www.vinamilk.com.vn](http://www.vinamilk.com.vn) và được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng khác như website của Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp. Hồ Chí Minh, báo chí và bản tin chứng khoán.

Trong năm, Vinamilk đã tiếp đón trên 50 nhà đầu tư là các công ty chứng khoán, ngân hàng đầu tư, quỹ đầu tư đến thăm và làm việc tại Công ty.

Một vài nhà đầu tư tiêu biểu như sau:

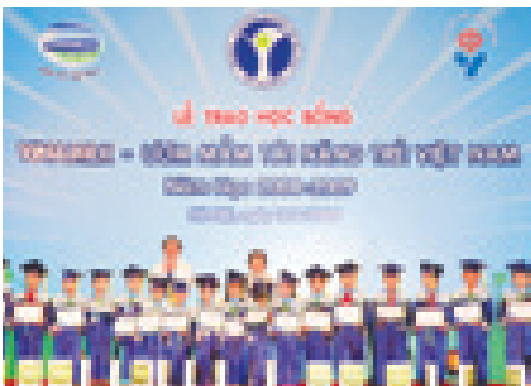
- **Soros Fund Management**
- **BNP Paribas**
- **Ngân hàng Tokyo (Mitsubishi UFJ)**
- **Sumitomo Mitsui Asset Management Co., Ltd**
- **FMG Global**
- **PXP Việt Nam Asset Management**
- **Duxton Asset Management**
- **Nevsky Capital**
- **Valiant Capital Partners**
- **Spinnaker Capital**
- **Sài Gòn Securities Co., Ltd**
- **Mirae Asset**
- **Matthews International Capital Management**
- **CIM Investment Management**

Đồng thời, Công ty cũng duy trì kênh thông tin với nhà đầu tư qua mail, điện thoại và qua mục Hỏi Đáp trên website của Vinamilk.



### QUỸ HỌC BỔNG VINAMILK – ƯƠM MẦM TÀI NĂNG TRẺ VIỆT NAM

Đây là chương trình hoạt động thường niên với sự phối hợp của Bộ Giáo Dục & Đào tạo và Công Ty CP Sữa Việt Nam - Vinamilk, Quỹ Học bổng này đã mang đến 6.300 suất học bổng (tương đương 3,15 tỷ đồng) cho các Em học sinh tiểu học có những thành tích học tập xuất sắc; học sinh đạt giải cao trong các kỳ thi văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao; học sinh khuyết tật, học sinh nghèo hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhưng có ý chí vươn lên và đạt thành tích học tập tốt; học sinh có những thành tích đặc biệt, xứng đáng là tấm gương cho các bạn noi theo; những học sinh có thành tích khác xứng đáng được nhận học bổng theo tiêu chí xét chọn của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Đây là một trong những chương trình Vinamilk dành nhiều tâm huyết nhất. Trong suốt 6 năm liên tiếp, Vinamilk đã tài trợ hơn 12,45 tỷ đồng cho tổng số 25.040 suất học bổng trên toàn quốc. Đối tượng thụ hưởng là những em học sinh giỏi, có thành tích.



### CHƯƠNG TRÌNH DOREMI

- Bắt đầu từ năm 2007, Chương trình Đồ Rê Mí do Vinamilk tài trợ được phát sóng trên kênh VTV3 – Đài truyền hình Việt Nam. Đây không chỉ là một sân chơi bổ ích và lý thú cho thiếu nhi, mà còn là nơi để các em được bộc lộ tài năng, được đào tạo những kỹ năng cơ bản về âm nhạc và nghệ thuật biểu diễn nhưng không hề mất đi vẻ hồn nhiên, ngây thơ của trẻ nhỏ.
- Chương trình Đồ Rê Mí 2009 bắt đầu từ tháng 3 đến hết tháng 12. Chương trình bao gồm Đồ Rê Mí phone và Đồ Rê Mí chung kết, phát sóng trên VTV3.

### TRƯỜNG BÓNG ĐÁ ARSENAL VINAMILK

Trường bóng đá Vinamilk - Arsenal tổ chức nhiều lớp học từ U5 - U18 vào thứ 7 và Chủ nhật do các huấn luyện viên nổi tiếng được huấn luyện bởi các chuyên viên Arsenal từ Anh quốc. Trung tâm bóng đá này ngày càng được sự quan tâm và hưởng ứng nhiệt tình của các phụ huynh. Số lượng học sinh tăng nhanh qua các học kỳ, hiện đã lên tới hơn 2.000 học viên.

Hàng tuần, Vinamilk còn phát tặng sữa miễn phí cho các em sau mỗi giờ học với với mong muốn: “Sự vận động hợp lý kết hợp với dinh dưỡng hoàn hảo sẽ tạo nên sự phát triển toàn diện cho các em”



1 → 3 triệu ly sữa cho trẻ em Việt Nam năm 2008 → 6 triệu ly sữa cho trẻ em Việt Nam năm 2009

## QUỸ SỮA CHO TRẺ EM NGHÈO VIỆT NAM

Với mục đích chăm lo thiết thực và góp phần vào sự phát triển thể chất của người Việt Nam, Vinamilk đã không ngừng cố gắng hoàn thiện sứ mạng của mình là cung cấp sữa và các sản phẩm chất lượng cao từ sữa nhằm góp phần tối ưu hóa sự phát triển toàn diện về mặt thể chất và trí tuệ của các thế hệ người Việt trong tương lai. Bên cạnh đó, Vinamilk cũng rất chú trọng vào các hoạt động đem lại nhiều ý nghĩa cho cộng đồng và xã hội.

Trong năm 2009, Quỹ “6 triệu ly sữa cho trẻ em Việt Nam” do Vinamilk phối hợp cùng Bộ Lao Động Thương Binh Xã Hội, Quỹ Bảo Trợ Trẻ Em và Viện Dinh Dưỡng, Bộ GD-ĐT thực hiện là sự tiếp nối thành công của chương trình 3 triệu ly sữa năm 2008. Chương trình đã đem đến hơn 6 triệu ly sữa miễn phí, tương đương 25 tỷ đồng đến cho gần 50.000 trẻ em ở 62 tỉnh thành của Việt Nam.



### CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC:

Với tinh thần tương thân tương ái, trong cơn bão lũ số 9 và số 11 vừa qua. Toàn thể cán bộ CNV Công ty đã đóng góp mỗi người 1 ngày lương cho bà con vùng bão lũ với hơn 2 tỷ đồng. Ngoài ra Vinamilk còn phụng dưỡng suốt đời cho các bà Mẹ Việt Nam Anh hùng tại Tỉnh Bến Tre và Quảng Nam Đà Nẵng.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- » Thông tin Doanh nghiệp
- » Báo cáo của Ban điều hành
- » Báo cáo của Kiểm toán viên độc lập
- » Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- » Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- » Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất
- » Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- » Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất





Giá trị **THẬT**





VINAMILK

SỮA CHUA  
CÓ ĐƯỜNG



**Sữa chua Vinamilk thật là ngon!**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được Việt Nam chấp thuận.

(Ý kiến của Kiểm toán)

CÔNG TY KIỂM TOÁN: **CÔNG TY TNHH KPMG**

Địa chỉ: Lầu 10, Tòa nhà Sun Wah Tower  
115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84.8) 38 219 266

Fax: (84.8) 38 219 267

Website: [www.kpmg.com.vn](http://www.kpmg.com.vn)

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**  
(VINAMILK)

Tên tiếng Anh: VIETNAM DAIRY PRODUCTS JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt là: VINAMILK

Mã chứng khoán (HoSE): VNM

Trụ sở chính: 184 - 186 - 188 Nguyễn Đình Chiểu,  
Phường 06, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 39 300 358

Fax: (84.8) 39 305 206

Website: [www.vinamilk.com.vn](http://www.vinamilk.com.vn)

Giấy phép đăng ký kinh doanh: Lần đầu: Số 4103001932 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20 tháng 11 năm 2003 cấp.

Lần thứ 8: Số 0300588569 ngày 12 tháng 10 năm 2009

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

### BÁO CÁO TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều Hành chịu trách nhiệm đối với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Điều Hành có trách nhiệm:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Tùy thuộc vào các sai sót trọng yếu được trình bày và diễn giải trong báo cáo tài chính, xác định rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp giả định không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

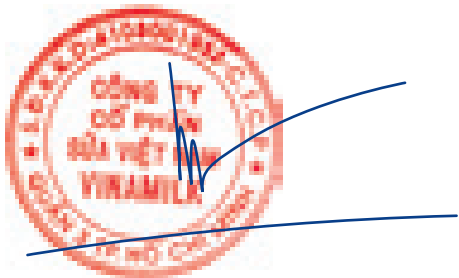
Ban Điều Hành xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Điều Hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc lưu giữ các sổ sách kế toán thích hợp mà trên đó phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán trình bày tình hình tài chính của Tập đoàn tuân thủ hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban Điều Hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác

### PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, các báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp thuận rộng rãi tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Điều Hành



**Mai Kiều Liên**  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2010

## BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các cổ đông Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

### PHẠM VI KIỂM TOÁN

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Điều Hành Tập đoàn. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất trong báo cáo kiểm toán ngày 23 tháng 3 năm 2009.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Điều Hành, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được Việt Nam chấp thuận.

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 09-01-130



**Chong Kwang Puay**

Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV

Phó Tổng Giám Đốc



**Nguyễn Thanh Nghị**

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2010

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng
<b>100</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>		<b>5.069.157</b>	<b>3.187.605</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>426.135</b>	<b>338.654</b>
111	Tiền		376.135	132.977
112	Các khoản tương đương tiền		50.000	205.677
<b>120</b>	<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>11</b>	<b>2.314.253</b>	<b>374.002</b>
121	Đầu tư ngắn hạn		2.400.760	496.998
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(86.507)	(122.996)
<b>130</b>	<b>Phải thu ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>728.634</b>	<b>646.385</b>
131	Phải thu thương mại		513.346	530.149
132	Trả trước cho người bán		139.363	75.460
135	Các khoản phải thu khác		76.588	40.923
139	Dự phòng phải thu khó đòi		(663)	(147)
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>6</b>	<b>1.311.765</b>	<b>1.775.342</b>
141	Hàng tồn kho		1.321.271	1.789.646
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(9.506)	(14.304)
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>288.370</b>	<b>53.222</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		21.986	31.460
152	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		37.399	19.196
154	Thuế thu nhập doanh nghiệp trả trước Nhà nước		226.000	-
158	Tài sản ngắn hạn khác		2.985	2.566

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 39 là một bộ phận không thể tách rời các báo cáo tài chính hợp nhất này.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>3.412.879</b>	<b>2.779.354</b>
<b>210</b>	<b>Phải thu dài hạn</b>		<b>8.822</b>	<b>475</b>
218	Phải thu khác		8.822	475
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>2.524.964</b>	<b>1.936.923</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	7	1.835.583	1.529.187
222	Nguyên giá		3.135.507	2.618.638
223	Khấu hao lũy kế		(1.299.924)	(1.089.451)
227	Tài sản cố định vô hình	8	39.241	50.868
228	Nguyên giá		82.339	79.416
229	Phân bổ lũy kế		(43.098)	(28.548)
230	Xây dựng cơ bản dở dang	9	650.140	356.868
<b>240</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>10</b>	<b>27.489</b>	<b>27.489</b>
241	Nguyên giá		27.489	27.489
<b>250</b>	<b>Đầu tư dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>602.479</b>	<b>570.657</b>
252	Đầu tư vào công ty liên kết		26.152	23.702
258	Đầu tư dài hạn khác		672.732	546.955
259	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(96.405)	-
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>249.125</b>	<b>243.810</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	13	194.714	195.512
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	14	53.521	47.276
268	Tài sản dài hạn khác		890	1.022
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>8.482.036</b>	<b>5.966.959</b>

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 39 là một bộ phận không thể tách rời các báo cáo tài chính hợp nhất này.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.808.931</b>	<b>1.154.432</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.552.606</b>	<b>972.502</b>
311	Vay ngắn hạn	15	13.283	188.222
312	Phải trả thương mại		789.867	492.556
313	Người mua trả tiền trước		28.827	5.917
314	Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	16	399.962	64.187
315	Phải trả công nhân viên		28.688	3.104
316	Chi phí phải trả	17	208.131	144.052
319	Các khoản phải trả khác	18	83.848	74.464
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>256.325</b>	<b>181.930</b>
331	Phải trả thương mại		116.940	93.612
333	Nợ dài hạn khác	19	92.000	30.000
334	Vay dài hạn	20	12.455	22.418
336	Dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp	21	34.930	35.900

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 39 là một bộ phận không thể tách rời các báo cáo tài chính hợp nhất này.



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

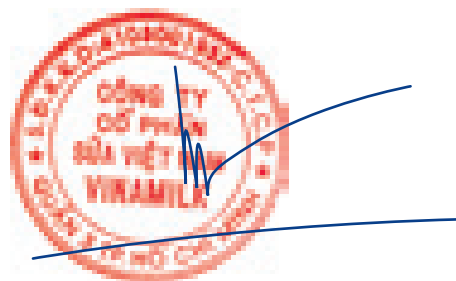
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>6.637.739</b>	<b>4.761.913</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>6.637.739</b>	<b>4.761.913</b>
411	Vốn cổ phần	22	3.512.653	1.752.757
412	Thặng dư vốn cổ phần		-	1.064.948
414	Cổ phiếu ngân quỹ		(154)	-
417	Quỹ đầu tư và phát triển		1.756.283	869.697
418	Quỹ dự phòng tài chính		294.348	175.276
419	Quỹ khen thưởng và phúc lợi		182.265	96.198
420	Lợi nhuận chưa phân phối		892.344	803.037
<b>439</b>	<b>LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>23</b>	<b>35.366</b>	<b>50.614</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>8.482.036</b>	<b>5.966.959</b>

Người lập



**Lê Thành Liêm**  
Kế toán trưởng

Người duyệt



**Mai Kiều Liên**  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 39 là một bộ phận không thể tách rời các báo cáo tài chính hợp nhất này.

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số		Thuyết minh	2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng
01	Tổng doanh thu	24	10.820.142	8.380.563
02	Các khoản giảm trừ	24	(206.371)	(171.581)
10	Doanh thu thuần	24	10.613.771	8.208.982
11	Giá vốn hàng bán	25	(6.735.062)	(5.610.969)
20	Lợi nhuận gộp		3.878.709	2.598.013
21	Doanh thu hoạt động tài chính	26	439.936	264.810
22	Chi phí hoạt động tài chính	27	(184.828)	(197.621)
24	Chi phí bán hàng		(1.245.476)	(1.052.308)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp		(292.942)	(297.804)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.595.399	1.315.090
40	Kết quả từ các hoạt động khác			
31	Thu nhập khác	28	143.031	136.903
32	Chi phí khác	29	(7.072)	(6.730)
40	Phần lỗ trong liên doanh		-	(73.950)
50	Lợi nhuận trước thuế		2.731.358	1.371.313
51	Chi phí thuế thu nhập hiện hành	30	(361.536)	(161.874)
52	Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	30	6.245	39.259
60	Lợi nhuận sau thuế		2.376.067	1.248.698
	<b>Phân bổ cho:</b>			
61	Cổ đông thiểu số	23	375	(1.422)
62	Cổ đông của Công ty		2.375.692	1.250.120
	<b>Lãi trên cổ phiếu</b>			
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu bằng VNĐ	31	6.769	3.563

Người lập

Người duyệt




Lê Thành Liêm  
Kế toán trưởng

Mai Kiều Liên  
Tổng Giám đốc

# BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

## Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

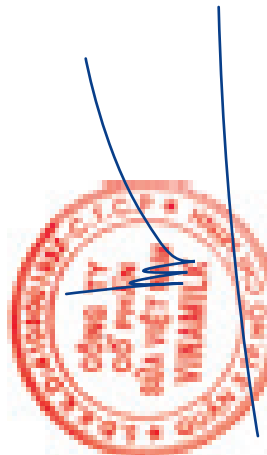
	Vốn cổ phần Triệu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VNĐ	Cổ phiếu ngân quỹ Triệu VNĐ	Quỹ đầu tư và phát triển Triệu VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính Triệu VNĐ	Quỹ khen thưởng và phúc lợi Triệu VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VNĐ	Tổng vốn chủ sở hữu Triệu VNĐ
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2008</b>	<b>1.752.757</b>	<b>1.064.948</b>	-	<b>744.540</b>	<b>136.313</b>	<b>91.622</b>	<b>525.757</b>	<b>4.315.937</b>
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	-	-	1.250.120	1.250.120
Phân bổ cho quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	125.157	38.963	125.155	(289.275)	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	2.842	(683.575)	(680.733)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	(123.421)	-	(123.421)
Khác	-	-	-	-	-	-	10	10
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2008</b>	<b>1.752.757</b>	<b>1.064.948</b>	-	<b>869.697</b>	<b>175.276</b>	<b>96.198</b>	<b>803.037</b>	<b>4.761.913</b>
Vốn cổ phần đã phát hành	1.759.896	(1.064.948)	(154)	-	-	-	(691.302)	3.492
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	2.375.692	2.375.692
Phân bổ cho quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	886.586	119.072	238.144	(1.243.802)	-
Cổ tức (Thuyết minh 32)	-	-	-	-	-	-	(351.281)	(351.281)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	(152.077)	-	(152.077)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2009</b>	<b>3.512.653</b>	-	<b>(154)</b>	<b>1.756.283</b>	<b>294.348</b>	<b>182.265</b>	<b>892.344</b>	<b>6.637.739</b>

Người lập



**Lê Thành Liêm**  
Kế toán trưởng

Người duyệt



**Mai Kiều Liên**  
Tổng Giám đốc

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số	Thuyết minh	2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>2.731.358</b>	<b>1.371.313</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	Khấu hao và phân bổ	234.078	178.430
03	Các khoản dự phòng	62.020	124.892
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	3.486	(5.704)
05	Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	(1.251)	-
06	Chi phí lãi vay	6.655	26.971
07	Thu nhập tiền lãi và cổ tức	(134.747)	(93.622)
07	(Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư khác	(23.032)	61.178
07	Lợi thế thương mại âm	(20)	-
07	Thu từ thanh lý các khoản đầu tư trong công ty liên doanh	(139.577)	-
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>2.738.970</b>	<b>1.669.727</b>
09	Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	(68.042)	13.354
10	Biến động hàng tồn kho	453.953	(112.069)
11	Biến động các khoản phải trả và nợ khác	392.537	(105.919)
12	Biến động chi phí trả trước	10.276	(17.077)
		<b>3.527.694</b>	<b>1.448.016</b>
13	Tiền lãi vay đã trả	(6.942)	(25.957)
14	Thuế thu nhập đã nộp	(293.332)	(101.861)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16.032	53.507
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(146.949)	(103.946)
<b>20</b>	<b>Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>3.096.503</b>	<b>1.269.759</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi mua tài sản cố định	(654.817)	(445.062)
22	Thu từ thanh lý tài sản cố định	6.747	4.217
23	Mua trái phiếu và chứng khoán vốn	(200.000)	-
23	Thu từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	91.913	3.010

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 39 là một bộ phận không thể tách rời các báo cáo tài chính hợp nhất này.

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng
24	Thu từ thanh lý khoản đầu tư trong công ty liên doanh	134.267	-
24	Thu từ trái phiếu đến hạn	10.005	-
24	Thu hồi khoản vay từ công ty liên doanh	207.968	-
25	Chi đầu tư trong các đơn vị khác	(2.450)	(134.152)
25	Mua lại khoản vốn góp từ các cổ đông thiểu số trong công ty con	(15.603)	-
27	Thu từ lãi tiền gửi và cổ tức	69.083	90.373
28	Tặng tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	(2.123.387)	(50.191)
28	Khoản vốn góp của cổ đông thiểu số trong công ty con	-	20
<b>30</b>	<b>Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư</b>	<b>(2.476.274)</b>	<b>(531.785)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	3.646	-
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu	(154)	-
33	Thu từ vay ngắn hạn	3.320	173.547
34	Hoàn trả các khoản vay	(188.222)	(9.963)
36	Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(351.281)	(680.733)
<b>40</b>	<b>Tiền thuần chi cho hoạt động tài chính</b>	<b>(532.691)</b>	<b>(517.149)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>87.538</b>	<b>220.825</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>338.654</b>	<b>117.819</b>
<b>61</b>	<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>(57)</b>	<b>10</b>
<b>70</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>426.135</b>	<b>338.654</b>
<b>CÁC GIAO DỊCH ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH PHI TIỀN TỆ</b>			
	Nguyên giá của tài sản cố định do Tập đoàn mua chưa trả tiền	167.623	36.245

Người lập



Lê Thành Liêm  
Kế toán trưởng

Người duyệt



Mai Kiều Liên  
Tổng Giám đốc

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Công ty” hay “Vinamilk”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất và phân phối sữa đặc, sữa bột, sữa tươi, bánh quy, sữa đậu nành, sữa chua, kem, phô mai, nước trái cây và các sản phẩm khác từ sữa.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có 4 công ty con:

Tên công ty con	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn do Công ty nắm giữ
Công ty TNHH Một Thành viên Bò sữa Việt Nam	Sản xuất sữa	100%
Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn	Sản xuất sữa	55%
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế	Kinh doanh bất động sản	100%
Công ty Cổ phần Bất động sản Chiến Thắng – Việt Nam	Kinh doanh bất động sản	100%

Công ty Cổ phần Bất động sản Chiến Thắng – Việt Nam, là công ty con 100% sở hữu bởi Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế. Công ty này là công ty con 100% sở hữu bởi Vinamilk.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 Tập đoàn có **4.670** nhân viên (31/12/2008: 4.532 nhân viên).

## 2. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

### 2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

#### i. Cơ sở kế toán chung

Các báo cáo tài chính hợp nhất trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn tới hàng triệu (“triệu VNĐ”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp thuận rộng rãi tại Việt Nam.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Các báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

#### ii. Cơ sở hợp nhất

##### CÁC CÔNG TY CON

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

##### CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ CƠ SỞ KINH DOANH ĐỒNG KIỂM SOÁT (CÁC ĐƠN VỊ NHẬN ĐẦU TƯ ĐƯỢC KẾ TOÁN THEO PHƯƠNG PHÁP VỐN CHỦ SỞ HỮU)

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc của sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ sau đó trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

##### CÁC GIAO DỊCH ĐƯỢC LOẠI TRỪ KHI HỢP NHẤT

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với tài khoản vốn của công ty được đầu tư được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty được đầu tư.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

## 2.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 ("CMKT 10") - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

## 2.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

## 2.4 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ nợ; đầu tư vào các công cụ vốn của các doanh nghiệp mà Tập đoàn không có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu; và các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng của Công ty được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Điều Hành cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

## 2.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

## 2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng. Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

## Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

### 2.7 Tài sản cố định hữu hình

#### i. Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

#### ii. Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• Nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 50 năm
• Máy móc và thiết bị	8 – 10 năm
• Gia súc	6 năm
• Phương tiện vận chuyển	10 năm
• Thiết bị văn phòng	3 – 5 năm

### 2.8 Tài sản cố định vô hình

#### i. Quyền sử dụng đất vô thời hạn

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không phân bổ. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận trong giá mua và các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất.

#### ii. Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

### 2.9 Bất động sản đầu tư

#### i. Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và bất kỳ chi phí phân bổ trực tiếp liên quan đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động hiện tại cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

#### ii. Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất với thời hạn không xác định được tính theo nguyên giá và không phân bổ.

### 2.10 Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

### 2.11 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 12 đến 48 năm.

### 2.12 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

### 2.13 Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

#### 2.14 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập doanh nghiệp này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực hóa được.

#### 2.15 Doanh thu

##### i. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

##### ii. Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

## iii Dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

## 2.16 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, công nợ và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## 2.17 Các khoản thanh toán cho việc thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho việc thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

## 2.18 Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

## 2.19 Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm. Phát hành cổ phiếu thưởng là việc phát hành cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện tại mà Tập đoàn không thu bất cứ khoản tiền nào. Vì vậy, số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tăng lên mà không có sự gia tăng nguồn vốn. Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trước sự kiện này được điều chỉnh theo tỉ lệ tương ứng với số lượng thay đổi của cổ phiếu phổ thông được lưu hành với giả thuyết sự kiện này đã xảy ra ngay tại thời điểm đầu năm báo cáo.

## 2.20 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

## Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là dựa theo bộ phận theo khu vực địa lý. Hoạt động của Tập đoàn nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm sữa và nước trái cây.

### 2.21 Các khoản cổ phiếu phát hành cho nhân viên

Các khoản cổ phiếu phát hành cho nhân viên vì những đóng góp cho Tập đoàn được hạch toán như một giao dịch tặng vốn và không hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 2.22 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

## 3. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn. Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản và nợ phải trả, thu nhập hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận và lỗ khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp.

### Bộ phận theo khu vực địa lý

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu của bộ phận được dựa vào vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam ("Trong nước") hay ở các nước khác Việt Nam ("Xuất khẩu").

	Trong nước		Xuất khẩu		Hợp nhất	
	2009 Triệu VNĐ	2008 Triệu VNĐ	2009 Triệu VNĐ	2008 Triệu VNĐ	2009 Triệu VNĐ	2008 Triệu VNĐ
Doanh thu bán hàng	9.415.221	6.993.223	1.198.550	1.215.759	10.613.771	8.208.982
Giá vốn hàng bán	(5.886.501)	(4.727.145)	(848.561)	(883.824)	(6.735.062)	(5.610.969)
Thu nhập của bộ phận	3.528.720	2.266.078	349.989	331.935	3.878.709	2.598.013

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2009 Triệu VNĐ	2008 Triệu VNĐ
Tiền mặt	636	648
Tiền gửi ngân hàng	374.659	130.544
Tiền đang chuyển	840	1.785
Các khoản tương đương tiền	50.000	205.677
	426.135	338.654

Trong tiền và các khoản tương đương tiền ngày 31 tháng 12 năm 2009 có số tiền khác VNĐ tương đương 66.781 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 137.553 triệu VNĐ).

### 5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2009 Triệu VNĐ	2008 Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	147	751
Tăng dự phòng trong năm	588	432
Sử dụng trong năm	-	(967)
Hoàn nhập trong năm	(72)	(69)
Số dư cuối năm	663	147

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	2009 Triệu VNĐ	2008 Triệu VNĐ
Cổ tức phải thu	831	-
Lãi tiền gửi	56.340	4.176
Phải thu lãi trái phiếu và tiền thu lãi cho vay	426	6.227
Trái phiếu có kỳ hạn	-	10.000
Thuế nhập khẩu được hoàn lại hoặc không phải nộp	8.236	11.905
Phải thu hỗ trợ từ nhà cung cấp	5.114	742
Phải thu khác	5.641	7.873
	76.588	40.923

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

### 6. HÀNG TỒN KHO

	2009 Triệu VNĐ	2008 Triệu VNĐ
Hàng mua đang đi đường	375.091	219.523
Nguyên vật liệu	548.539	1.231.151
Công cụ và dụng cụ	6.133	5.757
Sản phẩm dở dang	121.595	104.992
Thành phẩm	250.546	217.382
Hàng tồn kho	11.410	10.710
Hàng gửi đi bán	7.957	131
	1.321.271	1.789.646
Dự phòng hàng tồn kho	(9.506)	(14.304)
	1.311.765	1.775.342

Biến động dự phòng hàng tồn kho trong năm như sau:

	2009 Triệu VNĐ	2008 Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	14.304	11.629
Tăng dự phòng trong năm	29.978	22.707
Sử dụng dự phòng trong năm	(6.386)	-
Hoàn nhập trong năm	(28.390)	(20.032)
Số dư cuối năm	9.506	14.304

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

### 7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Gia súc	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Tổng
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	505.157	1.747.393	21.446	255.103	89.539	2.618.638
Tăng trong năm	2.615	25.138	12.535	33.791	18.185	92.264
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	93.959	258.423	-	72.087	7.871	432.340
Chuyển từ hàng tồn kho	-	-	6.816	-	-	6.816
Thanh lý	(137)	(1.290)	(3.309)	(8.944)	(871)	(14.551)
Phân loại lại	1.678	(4.216)	-	2.556	(18)	-
Số dư cuối năm	603.272	2.025.448	37.488	354.593	114.706	3.135.507
<b>Khấu hao lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	138.864	792.233	5.476	93.496	59.382	1.089.451
Khấu hao trong năm	25.671	145.392	3.948	26.815	17.702	219.528
Thanh lý	(53)	(3.775)	(1.274)	(3.083)	(870)	(9.055)
Phân loại lại	98	(98)	-	-	-	-
Số dư cuối năm	164.580	933.752	8.150	117.228	76.214	1.299.924
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư cuối năm	438.692	1.091.696	29.338	237.365	38.492	1.835.583
Số dư đầu năm	366.293	955.160	15.970	161.607	30.157	1.529.187

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 98.839 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 77.554 triệu VNĐ) được thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 620.924 triệu VNĐ đã khấu hao hết tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 592.834 triệu VNĐ), nhưng vẫn còn được sử dụng.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

### 8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất Triệu VNĐ	Phần mềm vi tính Triệu VNĐ	Tổng Triệu VNĐ
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	35.751	43.665	79.416
Tăng trong năm	-	2.923	2.923
Số dư cuối năm	35.751	46.588	82.339
<b>Phân bổ lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	11.608	16.940	28.548
Phân bổ trong năm	-	14.550	14.550
Số dư cuối năm	11.608	31.490	43.098
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư cuối năm	24.143	15.098	39.241
Số dư đầu năm	24.143	26.725	50.868

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 26.136 triệu VNĐ đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (2008: 1.103 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Việc khấu hao quyền sử dụng đất đã được chấm dứt từ ngày 1 tháng 1 năm 2004 theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2003 quy định quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không được phân bổ.

### 9. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	2009 Triệu VNĐ	2008 Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	356.868	598.308
Tăng trong năm	727.248	364.411
Chuyển sang hàng tồn kho	(1.636)	(15)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(432.340)	(589.341)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(16.441)
Thanh lý	-	(54)
Số dư cuối năm	650.140	356.868

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

## 10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư thể hiện quyền sử dụng đất vô thời hạn ở quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng và được ghi nhận theo nguyên giá và không được phân bổ

## 11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	2009 Triệu VNĐ	2008 Triệu VNĐ
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		
Đầu tư dài hạn dạng vốn chủ sở hữu vào các công ty liên doanh, liên kết:		
▪ Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	9.000	9.000
▪ Dự án Căn hộ Horizon - Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh	9.943	7.493
▪ Dự án Phát triển nguồn nguyên liệu sữa tại Việt Nam	7.209	7.209
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn	200.000	3.200
Trái phiếu Ngân sách Nhà nước dài hạn	-	40
Các khoản đầu tư dài hạn khác:		
▪ Chứng khoán đã niêm yết	223.520	277.933
▪ Chứng khoán chưa niêm yết	20.062	36.632
▪ Các quỹ đầu tư	106.350	106.350
▪ Các khoản đầu tư khác	122.800	122.800
	698.884	570.657
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(96.405)	-
	602.479	570.657
<b>Các khoản đầu tư ngắn hạn</b>		
▪ Chứng khoán đã niêm yết	87.537	33.071
▪ Chứng khoán chưa niêm yết	82.283	147.158
▪ Trái phiếu doanh nghiệp	3.200	2.400
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	2.227.700	106.396
▪ Trái phiếu Chính phủ	40	5
▪ Cho công ty liên doanh vay	-	207.968
	2.400.760	496.998
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(86.507)	(122.996)
	2.314.253	374.002

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Biến động giảm giá đầu tư trong năm như sau:

	Đầu tư ngắn hạn		Đầu tư dài hạn	
	2009 Triệu VNĐ	2008 Triệu VNĐ	2009 Triệu VNĐ	2008 Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	122.996	176	-	-
Tăng dự phòng trong năm	-	122.820	96.405	48.630
Hoàn nhập	(36.489)	-	-	(48.630)
Số dư cuối năm	86.507	122.996	96.405	-

## 12. CÁC CÔNG TY TRONG TẬP ĐOÀN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 có các công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát chủ yếu sau:

Tên công ty	Địa chỉ	2009		2008	
		% sở hữu	% quyền biểu quyết	% sở hữu	% quyền biểu quyết
<b>CÔNG TY CON</b>					
Công ty TNHH Một Thành viên Bò sữa Việt Nam	184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn	Khu Công nghiệp Lễ Môn, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam	55%	55%	55%	55%
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế	184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Bất động sản Chiến Thắng - Việt Nam	95 Lê Lợi, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	100%	100%	64.25%	64.25%
<b>CÔNG TY LIÊN DOANH</b>					
Công ty liên doanh SABMiller Việt Nam	Lô A, khu Công Nghiệp Mỹ Phước 2, Huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	-	-	50%	50%
Dự án phát triển nguồn nguyên liệu sữa tại Việt Nam	Xã Tu Tra, Huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	25%	25%	25%	25%

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

CÔNG TY LIÊN KẾT					
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Lô C, 9E Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	20%	20%	20%	20%
Căn hộ Horizon - Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Dự án	214 Trần Quang Khải, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	24.5%	24.5%	24.5%	24.5%

Vào ngày 17 tháng 2 năm 2009, Tập đoàn đã ký một Thỏa thuận Chuyển nhượng Vốn với SAB-Miller Asia BV để chuyển giao toàn bộ lợi ích của Tập đoàn trong Công ty liên doanh SABMiller Việt Nam với giá 8.250.000 USD cho SABMiller Asia BV. Lợi nhuận từ thanh lý khoản đầu tư này, là chênh lệch từ khoản thu được và giá trị ghi sổ bằng không, được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm như là doanh thu hoạt động tài chính.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty TNHH Một Thành viên Bất động sản Quốc tế-một công ty con được Vinamilk sở hữu hoàn toàn-đã mua tất cả cổ phiếu của các cổ đông thiểu số còn lại của Công ty Cổ phần Bất động sản Chiến Thắng – Việt Nam, dẫn đến việc tăng số cổ phiếu nắm giữ của Tập đoàn từ 64,25% lên 100%, chi tiết của việc mua lại này như sau:

TÀI SẢN THUẦN CỦA CÔNG TY CON TẠI NGÀY MUA	Triệu VNĐ
<b>TÀI SẢN</b>	
Tiền và các khoản tương đương tiền	230
Tài sản ngắn hạn khác	211
Tài sản cố định	15.851
Bất động sản đầu tư	27.489
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	
Các khoản phải trả	(56)
Nợ ngắn hạn khác	(20)
<b>TÀI SẢN THUẦN CON TẠI NGÀY MUA</b>	<b>43.705</b>
Trừ đi:	
Đầu tư của Tập đoàn vào tài sản thuần của công ty con tại ngày mua	(28.082)
Lợi ích của cổ đông thiểu số qua việc hợp nhất kinh doanh	15.623

Công ty TNHH Một Thành viên Bất động sản Quốc tế – một công ty con được Vinamilk sở hữu hoàn toàn – đã quyết định đóng cửa Công ty Cổ phần Bất động sản Chiến Thắng – Việt Nam và đang trong quá trình phê duyệt chấm dứt hoạt động.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

### 13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Tổng Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	195.512
Tăng trong năm	13.853
Phân bổ trong năm	(481)
Kết chuyển giảm khác	(14.170)
Số dư cuối năm	194.714

### 14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

	2009 Triệu VNĐ	2008 Triệu VNĐ
Dự phòng các khoản đầu tư	-	29.782
Trích trước và dự phòng	51.749	17.957
Lợi nhuận chưa thực hiện	591	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1.181	(463)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	53.521	47.276

### 15. VAY NGẮN HẠN

	2009 Triệu VNĐ	2008 Triệu VNĐ
Vay ngắn hạn	3.320	178.259
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20)	9.963	9.963
	13.283	188.222

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng Sacombank với hạn mức tối đa là 6.300 triệu VNĐ. Khoản vay VNĐ được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ 30.454 triệu VNĐ và chịu lãi suất năm từ 10,5% đến 12% (2008: từ 2,45% đến 3,8%).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

### 16. THUẾ PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	2009 Triệu VNĐ	2008 Triệu VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	52.305	12.868
Thuế nhập khẩu	11.474	2.341
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	330.271	35.527
Thuế thu nhập cá nhân	5.903	13.180
Thuế khác	9	271
	399.962	64.187

(\*) Số dư thuế TNDN cuối năm 2009 cao do Tập đoàn được gia hạn thuế TNDN (9 tháng kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế theo quy định của Luật quản lý thuế) theo Thông tư của Bộ Tài Chính số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 1 năm 2009 hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế TNDN căn cứ từ Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính Phủ.

### 17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	2009 Triệu VNĐ	2008 Triệu VNĐ
Hỗ trợ bán hàng cho khách hàng	143.692	106.701
Chi phí quảng cáo	38.201	21.471
Chi phí vận chuyển	13.592	5.139
Chi phí bảo trì và sửa chữa	2.736	1.531
Chi phí khác	9.910	9.210
	208.131	144.052

### 18. PHẢI TRẢ KHÁC

	2009 Triệu VNĐ	2008 Triệu VNĐ
Phí công đoàn	45	514
Bảo hiểm xã hội	86	1
Tiền ký quỹ nhận được từ khách hàng	48.131	6.247
Thuế nhập khẩu phải nộp	5.179	15.906
Phải trả cổ tức	500	8.220
Phải trả cho các cổ đông thiểu số của công ty con(*)	20.407	23.016
Phải trả khác	9.500	20.560
	83.848	74.464

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

(\*) Khoản phải trả thể hiện khoản ứng trước nhận được từ các cổ đông thiểu số để mua cổ phiếu do Tập đoàn nắm giữ đại diện cho các cổ đông thiểu số.

### 19. NỢ DÀI HẠN KHÁC

Nợ dài hạn khác thể hiện khoản tạm ứng nhận được từ bên thứ ba về việc chuyển nhượng khoản đầu tư của Tập đoàn vào một tổ chức tín dụng trong tương lai. Việc chuyển đổi chỉ có hiệu lực khi được sự phê duyệt của Đại hội Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị và các cổ đông sáng lập của ngân hàng này; hoặc sau năm năm kể từ ngày thành lập ngân hàng này, tùy theo sự kiện nào xảy ra trước.

### 20. VAY DÀI HẠN

	2009 Triệu VNĐ	2008 Triệu VNĐ
Vay dài hạn	22.418	32.381
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(9.963)	(9.963)
Hoàn trả sau 12 tháng	12.455	22.418

Khoản vay này được ký giữa Quỹ Đầu tư và Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (40%) và Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (60%) để tài trợ cho dự án lắp đặt dây chuyền đóng hộp sữa đặc có đường tại Nhà máy sữa Thống Nhất. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 68.385 triệu VNĐ (31/12/ 2008: 77.554 triệu VNĐ) và chịu lãi suất bình quân tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng cộng 2,4% một năm trong năm và số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được hoàn trả trong 9 quý bằng nhau, mỗi quý trả 2.490 triệu VNĐ.

### 21. DỰ PHÒNG TRỢ CẤP THÔI VIỆC VÀ BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp trong năm như sau:

	Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	35.900
Trích lập dự phòng trong năm	4.543
Sử dụng dự phòng trong năm	(3.542)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.971)
Số dư cuối năm	34.930

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, Tập đoàn đã đóng 2.135 triệu VNĐ (31/12/2008: Không) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## 22. VỐN CỔ PHẦN

Vốn cổ phần của Tập đoàn được duyệt và đã phát hành như sau:

	2009		2008	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	351.265.300	3.512.653	175.275.670	1.752.757
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	351.265.300	3.512.653	175.275.670	1.752.757
<b>Cổ phiếu ngân quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	(15.320)	(154)	-	-
<b>Số cổ phiếu hiện đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	351.249.980	3.512.499	175.275.670	1.752.757

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tập đoàn mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2009		2008	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	175.275.670	1.752.757	175.275.670	1.752.757
Vốn cổ phần phát sinh trong năm	364.640	3.646	-	-
Cổ phiếu ngân quỹ mua trong năm	(15.320)	(154)	-	-
Cổ phiếu thưởng trong năm	175.624.990	1.756.250	-	-
Số dư cuối năm	351.249.980	3.512.499	175.275.670	1.752.757

Vào ngày 10 tháng 6 năm 2009, Tập đoàn phát hành 364.640 cổ phiếu với mệnh giá cho nhân viên bằng tiền mặt.

Vào ngày 3 tháng 9 năm 2009, Tập đoàn đã mua lại 15.320 cổ phiếu của các nhân viên trong công ty đã nghỉ việc.

Vào ngày 9 tháng 9 năm 2009, Tập đoàn đã công bố cổ phiếu thưởng là 1:1, có hiệu lực vào ngày 18 tháng 9 năm 2009 và được trích từ thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận chưa phân phối cho tất cả các cổ đông hiện tại của Tập đoàn. Cổ phiếu thưởng này được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 15 tháng 10 năm 2009.

## 23. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	Triệu VNĐ
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2008</b>	<b>35.950</b>
Vốn góp	16.086
Lỗ sau thuế trong kỳ thuộc các cổ đông thiểu số	(1.422)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2008</b>	<b>50.614</b>
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ thuộc các cổ đông thiểu số	375
Mua công ty con từ các cổ đông thiểu số	(15.623)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2009</b>	<b>35.366</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

### 24. TỔNG DOANH THU

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hoá đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2009 Triệu VNĐ	2008 Triệu VNĐ
<b>Tổng doanh thu</b>		
▪ Bán hàng	10.730.665	8.292.713
▪ Hàng hóa và vật liệu	69.238	76.760
▪ Dịch vụ	20.239	11.090
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
▪ Chiết khấu thương mại	(196.965)	(141.199)
▪ Hàng bán bị trả lại	(9.406)	(30.382)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10.613.771</b>	<b>8.208.982</b>

### 25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2009 Triệu VNĐ	2008 Triệu VNĐ
<b>Tổng giá vốn hàng bán</b>		
▪ Thành phẩm đã bán	6.637.850	5.532.689
▪ Hàng hoá đã bán	50.001	60.770
▪ Dịch vụ đã cung ứng	3.850	1.445
▪ Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	910	605
▪ Chi phí do hoạt động dưới công suất bình thường	40.863	15.050
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.588	410
	<b>6.735.062</b>	<b>5.610.969</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

### 26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2009 Triệu VNĐ	2008 Triệu VNĐ
Thu nhập lãi tiền gửi từ kỳ quỹ	106.573	60.109
Thu nhập lãi từ trái phiếu	9.274	3.593
Thu từ thanh lý khoản đầu tư trong công ty liên doanh	139.577	-
Thu từ bán chứng khoán vốn	33.191	119.553
Thu nhập cổ tức, cổ phiếu thưởng	18.900	29.890
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	132.217	46.050
Các khoản khác	204	5.615
	439.936	264.810

### 27. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2009 Triệu VNĐ	2008 Triệu VNĐ
Chi phí lãi vay	6.655	26.971
Dự phòng giảm giá đầu tư	59.916	122.820
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	118.124	47.314
Các khoản khác	133	516
	184.828	197.621

### 28. THU NHẬP KHÁC

	2009 Triệu VNĐ	2008 Triệu VNĐ
Tiền bồi thường nhận được từ các bên khác	1.952	4.190
Thu từ thanh lý tài sản cố định	6.749	4.265
Thu từ thanh lý phế liệu, công cụ và dụng cụ	38.634	50.097
Hỗ trợ từ nhà cung cấp	91.480	73.558
Thu nhập khác	4.216	4.793
	143.031	136.903

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

### 29. CHI PHÍ KHÁC

	2009 Triệu VNĐ	2008 Triệu VNĐ
Giá trị còn lại của thanh lý tài sản cố định	5.496	3.317
Chi phí khác	1.576	3.413
	7.072	6.730

### 30. THUẾ THU NHẬP

#### 30.1 Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2009 Triệu VNĐ	2008 Triệu VNĐ
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện tại	410.309	161.874
Dự phòng thừa trong những năm trước	(48.773)	-
	361.536	161.874
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập chênh lệch tạm thời	11.386	(17.730)
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(17.631)	(12.910)
Xóa sổ tài sản thuế hoãn lại	-	(8.619)
	(6.245)	(39.259)
Chi phí thuế thu nhập	355.291	122.615

#### 30.2 Đối chiếu thuế suất thực tế

	2009 Triệu VNĐ	2008 Triệu VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	2.731.358	1.371.313
Thuế theo thuế suất của Tập đoàn	682.816	383.968
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(17.631)	(12.910)
Ảnh hưởng của việc loại trừ các khoản lỗ chưa thực hiện mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận tương ứng	(125)	(1.074)
Ảnh hưởng của chênh lệch thuế suất trong các công ty con và các chi nhánh của Vinamilk	(113.548)	(91.749)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Chi phí không được khấu trừ thuế	3.131	5.988
Thu nhập không tính thuế	(2.632)	(3.081)
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	(149.076)	(150.946)
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận	1.129	1.038
Xóa sổ tài sản thuế hoãn lại	-	(8.619)
Dự phòng thừa trong những năm trước	(48.773)	-
	355.291	122.615

### 30.3 Thuế suất áp dụng

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cho Nhà nước như sau:

Đơn vị	Thuế suất hiện hành	Miễn thuế
<b>VINAMILK</b>		
Trụ sở chính	25%	Không
Nhà máy Cà phê Sài Gòn	25%	Miễn thuế từ năm 2009 đến năm 2011 và giảm 50% từ năm 2012 đến năm 2016.
Nhà máy Sữa Cần Thơ	15% đến năm 2014 và 25% các năm sau đó	Miễn thuế từ năm 2004 đến năm 2008 và giảm 50% từ năm 2009 đến năm 2013.
Nhà máy Sữa Dielac	15% đến năm 2014 và 25% các năm sau đó	Miễn thuế từ năm 2004 đến năm 2008 và giảm 50% từ năm 2009 đến năm 2013.
Nhà máy Sữa Sài Gòn	15% đến năm 2012 và 25% các năm sau đó	Miễn thuế từ năm 2003 đến năm 2005 và giảm 50% từ năm 2006 đến năm 2012.
Nhà máy Sữa Nghệ An	25%	Không
Nhà máy Sữa Bình Định	25%	Không
Nhà máy Sữa Hà Nội	25%	Không
Nhà máy Sữa Thống Nhất	25%	Không
Nhà máy Sữa Trường Thọ	25%	Không
Chi nhánh Hà Nội	25%	Không
Chi nhánh Đà Nẵng	25%	Không
Chi nhánh Cần Thơ	25%	Không
Xí nghiệp kho vận Thành phố Hồ Chí Minh	25%	Không
Phòng khám An Khang	25%	Không

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Nhà máy Sữa Tiên Sơn	25%	Miễn thuế từ năm 2008 đến năm 2010 và giảm 50% từ năm 2011 đến năm 2015.
Công ty TNHH Bò sữa Việt Nam		
Trụ sở chính và Chi nhánh Tuyên Quang	15% đến năm 2018 và 25% các năm sau đó	Miễn thuế từ năm 2009 đến năm 2011 và giảm 50% từ năm 2012 đến năm 2018.
Chi nhánh Bình Định	25%	Miễn thuế trong năm 2009 và giảm 50% từ năm 2010 đến năm 2013.
Chi nhánh Nghệ An	25%	Không
Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn	15% đến năm 2018 và 25% các năm sau đó	Miễn thuế trong 3 năm đầu kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% cho 7 năm tiếp theo.
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế	25%	Không
Công ty Cổ phần Bất động sản Chiến Thắng	25%	Không

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 và 2007, Công ty đã kê khai là được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trên cơ sở cộng gộp hai mức ưu đãi: (1) miễn thuế TNDN trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004 và 2005 và giảm 50% thuế TNDN cho giai đoạn 3 năm tiếp theo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006, 2007 và 2008 do cổ phần hóa Công ty; và (2) được giảm thêm 50% thuế TNDN trong hai năm sau khi niêm yết chứng khoán trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") vào ngày 19 tháng 1 năm 2006. Việc cộng dồn hai mức thuế suất ưu đãi này đã được Tổng Cục thuế cho theo công văn số 1591/TCT-CST ngày 4 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 22 tháng 5 năm 2008, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh thông báo rằng Công ty không được cộng gộp hai loại ưu đãi thuế liên quan đến việc niêm yết chứng khoán trên HOSE và cổ phần hóa trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 và 2007. Do đó Công ty chỉ được giảm 50% thuế thay vì miễn thuế và Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu Công ty nộp khoản thuế 225.803 triệu VNĐ (76.637 triệu VNĐ cho năm 2006 và 149.166 triệu VNĐ cho năm 2007).

Vào ngày 25 tháng 7 năm 2008, Thanh tra Chính phủ sau khi hoàn tất việc thanh tra tại Công ty đã yêu cầu Công ty kê khai và nộp thuế TNDN liên quan đến năm 2006 và 2007 vào Ngân sách Nhà nước.

Vào ngày 13 tháng 11 năm 2008, Văn phòng Thủ tướng Chính phủ ra Thông báo số 318/TB-VPCP xác nhận rằng các công ty niêm yết chứng khoán trên thị trường chứng khoán trong giai đoạn từ năm 2004 đến năm 2006 được giảm 50% thuế TNDN cho hai năm sau khi chứng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

khoản được niêm yết. Tuy nhiên thông báo số 318/TB-VPCP không đề cập đến việc có cho phép doanh nghiệp được cộng gộp hai khoản thuế ưu đãi khác nhau hay không.

Vào ngày 20 tháng 3 năm 2009, Ban Điều Hành nhận được từ Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh một bản sao của Công điện số 31/TCT-VP ngày 16 tháng 3 năm 2009 của Tổng Cục thuế gửi cho Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh theo đó thông báo cho Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh rằng Bộ tài chính đã có công văn báo cáo Thủ tướng Chính phủ xin ý kiến chỉ đạo về việc miễn, giảm thuế TNDN đối với các công ty niêm yết chứng khoán lần đầu. Tổng Cục thuế yêu cầu Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh không thực hiện việc thông báo hoặc tạm thu thuế TNDN đối với các công ty niêm yết chứng khoán nêu trên trong khi chờ quyết định cuối cùng của Thủ tướng Chính phủ.

Sau ngày lập bảng cân đối kế toán, ngày 14 tháng 1 năm 2010, Tổng Cục thuế có Công văn số 148/TCT-PC gửi Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty trong đó nêu rõ: cho phép Công ty được cộng gộp ưu đãi thuế theo Luật thuế TNDN và ưu đãi thuế do niêm yết chứng khoán lần đầu khi xác định ưu đãi thuế TNDN.

### 31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 dựa vào lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 2.375.692 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 1.250.120 triệu VNĐ) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 350.950.861 (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 350.900.660).

#### Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành

	2009	2008
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	175.275.670	175.275.670
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành vào ngày 10 tháng 6 năm 2009	204.798	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu giảm vào ngày 3 tháng 9 năm 2009	(5.037)	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông thưởng phát hành vào ngày 18 tháng 9 năm 2009	175.475.430	175.624.990
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	350.950.861	350.900.660

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Tập đoàn không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

### 32. CỔ TỨC

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông của Công ty vào ngày 22 tháng 7 năm 2009 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 351.281 triệu VNĐ (2.000 VNĐ trên một cổ phiếu).

### 33. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Giá trị giao dịch	
	2009 Triệu VNĐ	2008 Triệu VNĐ
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành</b>		
Tiền lương và thưởng	28.959	33.401

### 34. CÁC CAM KẾT

#### 34.1 Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	2009 Triệu VNĐ	2008 Triệu VNĐ
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	365.161	216.343

#### 34.2 Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	2009 Triệu VNĐ	2008 Triệu VNĐ
Trong vòng một năm	4.626	2.295
Trong vòng hai đến năm năm	18.530	9.230
Trên năm năm	159.364	76.384
	182.520	87.909



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

### 35. SỰ KIỆN SAU NGÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Các sự kiện trọng yếu phát sinh sau ngày kết thúc niên độ như sau:

- Tập đoàn đã thực hiện việc ký hợp đồng chuyển nhượng nhà máy sản xuất cà phê. Việc chuyển nhượng này dự kiến sẽ hoàn tất trong quý I năm 2010.
- Vào ngày 8 tháng 2 năm 2010, Tập đoàn phát hành 1.806.820 cổ phiếu với mệnh giá cho nhân viên bằng tiền mặt.

### 36. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

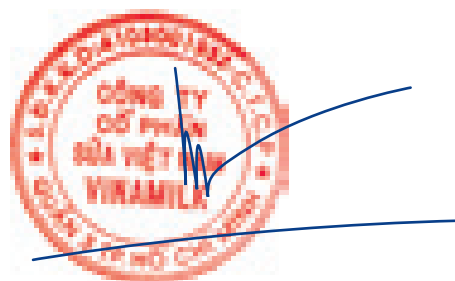
	2009 Triệu VNĐ	2008 Triệu VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	6.528.518	5.415.693
Chi phí nhân công và nhân viên	460.890	405.048
Chi phí khấu hao và phân bổ	234.078	178.340
Chi phí dịch vụ mua ngoài	377.410	295.550
Chi phí khác	996.131	902.548

Người lập



**Lê Thành Liêm**  
Kế toán trưởng

Người duyệt



**Mai Kiều Liên**  
Tổng Giám đốc

### » TRỤ SỞ CHÍNH

184 - 186 - 188 Nguyễn Đình Chiểu,  
Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh  
ĐT: (84.8) 39 300 358 - 39 305 197  
Fax: (84.8) 39 305 206  
Email: [vinamilk@vinamilk.com.vn](mailto:vinamilk@vinamilk.com.vn)  
Website: [www.vinamilk.com.vn](http://www.vinamilk.com.vn)

### » CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI

57 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa,  
Cầu Giấy, Tp. Hà Nội  
ĐT: (84.4) 35 563 638  
Fax: (84.4) 35 563 621

### » CHI NHÁNH TẠI ĐÀ NẴNG

Lô 42, Triệu Nữ Vương (nối dài), Quận  
Hải Châu, Tp. Đà Nẵng  
ĐT: (84.511) 3 897 449  
Fax: (84.511) 3 897 223

### » CHI NHÁNH TẠI CẦN THƠ

86D Hùng Vương, Phường Thới Bình,  
Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
ĐT: (84.710) 3 811 274  
Fax: (84.710) 3 827 334



## CỬA HÀNG GIỚI THIỆU SẢN PHẨM

### » MIỀN NAM

89 Cách Mạng Tháng Tám, Quận 1	Điện thoại: 38 324 125
198 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3	Điện thoại: 39 302 792
175 Nguyễn Chí Thanh, Phường 7, Quận 10	Điện thoại: 39 572 547
202-204 Lê Quang Định, Quận Bình Thạnh	Điện thoại: 35 104 682
1146 Tỉnh Lộ 43, Phường Bình Chiểu, Quận Thủ Đức	Điện thoại: 64 031 423
275 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp	Điện thoại: 39 896 524

### » MIỀN TRUNG

184 Hoàng Diệu, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng	Điện thoại: 0511 3582 986
--------------------------------------------	---------------------------

### » MIỀN TÂY

108 Trần Hưng Đạo, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ	Điện thoại: 0710 3815 980
------------------------------------------------	---------------------------

## ĐỊA CHỈ CÁC NHÀ MÁY

### NHÀ MÁY SỮA TRƯỜNG THỌ

32 Đặng Văn Bi, Phường Trường Thọ,  
Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh  
ĐT: (84.8) 38 960 727 - Fax: (84.8) 38 966 884

**Chuyên sản xuất:** Sữa đặc có đường, Sữa tươi tiệt trùng, Sữa đậu nành, Sữa chua, Nước ép trái cây, Phô mai.



### NHÀ MÁY SỮA DIELAC

Khu Công Nghiệp Biên Hòa I, Phường Bình An,  
Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
ĐT: (84.61) 3836 115 - Fax: (84.61) 3836 015

**Chuyên sản xuất:** Sữa bột dành cho trẻ em và người lớn, bột dinh dưỡng cho trẻ em



### NHÀ MÁY SỮA THỐNG NHẤT

12 Đặng Văn Bi, Phường Trường Thọ,  
Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh  
ĐT: (84.8) 38 960 725 - Fax: (84.8) 38 963 140

**Chuyên sản xuất:** Sữa đặc có đường, Sữa tươi tiệt trùng, Kem, Sữa chua, Sữa chua uống.



## ĐỊA CHỈ CÁC NHÀ MÁY

### NHÀ MÁY SỮA HÀ NỘI

KM 14 Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Tp. Hà Nội  
ĐT: (84.4) 38 276 418 - Fax: (84.4) 38 276 966

**Chuyên sản xuất:** Sữa đặc có đường, Sữa tươi tiệt trùng, Kem, Sữa chua, Sữa chua uống, Sữa đậu nành.



### NHÀ MÁY SỮA BÌNH ĐỊNH

87 Hoàng Văn Thụ, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định  
ĐT: (84.56) 3 847 312 - Fax: (84.56) 3 746 065

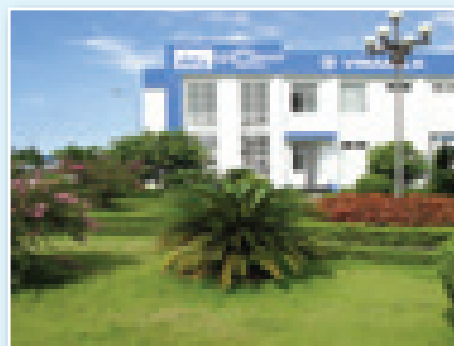
**Chuyên sản xuất:** Sữa tươi tiệt trùng, Kem, Sữa chua, Sữa chua uống.



### NHÀ MÁY SỮA NGHỆ AN

Đường Sào Nam, Xã Nghi Thu,  
Thị Xã Cửa Lò, Nghệ An  
ĐT: (84.38) 3 949 032 - Fax: (84.38) 3 824 717

**Chuyên sản xuất:** Sữa đặc, Sữa tươi, Sữa chua



## ĐỊA CHỈ CÁC NHÀ MÁY

### NHÀ MÁY SỮA SÀI GÒN

Lô 1-18 Khu G1- Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp,  
Hương lộ 80, Phường Hiệp Thành, Quận 12,  
Tp. Hồ Chí Minh  
ĐT: (84. 8) 37 176 355 - Fax: (84. 8) 37 176 353

**Chuyên sản xuất:** Sữa tươi, Sữa chua, Sữa chua  
uống



### NHÀ MÁY SỮA CẦN THƠ

Khu Công Nghiệp Trà Nóc, Phường Trà Nóc,  
Quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ  
ĐT: (84.710) 3 842 698 - Fax: (84.710) 3 842 811

**Chuyên sản xuất:** Sữa tươi, Sữa chua, Kem, Bánh



### NHÀ MÁY CÀ PHÊ SÀI GÒN

Đường NA7, Khu Công Nghiệp Mỹ Phước II, Huyện  
Bến Cát, Tỉnh Bình Dương  
ĐT: (84.650) 3553 292 - Fax: (84.650) 3553 290

**Chuyên sản xuất:** Cà phê



### NHÀ MÁY TIỀN SƠN

Khu Công nghiệp Tiên Sơn, Huyện Tiên Du,  
Tỉnh Bắc Ninh  
ĐT: (84.241) 31 714 814  
Fax: (84.241) 31 714 807

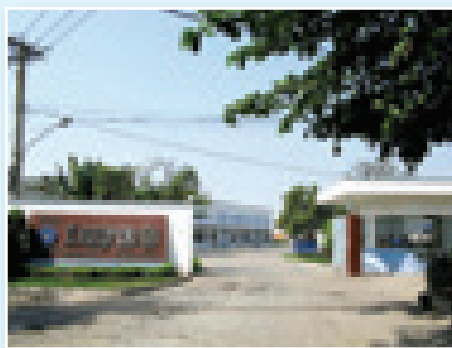


## ĐỊA CHỈ CÁC NHÀ MÁY

### XÍ NGHIỆP KHO VẬN

32 Đặng Văn Bi, Phường Trường Thọ,  
Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh  
ĐT: (84.8) 38 966 673 - Fax: (84.8) 38 960 804

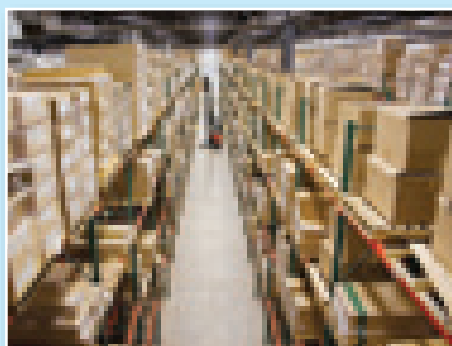
**Chuyên:** Vận chuyển, Giao hàng hóa



### XÍ NGHIỆP KHO VẬN HÀ NỘI

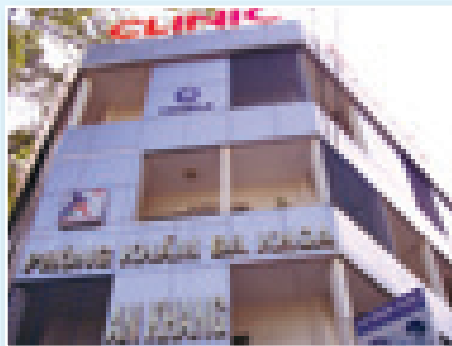
Km 10, Quốc lộ 5, xã Dương Xá,  
huyện Gia Lâm, Tp. Hà Nội  
ĐT: (84.4) 38 276 418 - Fax: (84.4) 38 27 6966

**Chuyên:** Vận chuyển, Giao hàng hóa



### PHÒNG KHÁM AN KHANG

87A Cách Mạng Tháng 8, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
ĐT: (84.8) 62 911 722 - (84.8) 6291 1720  
Fax: (84.8) 39 253 727





*"Báo cáo này được in trên giấy tái chế"*



**VINAMILK**

184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu,  
Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh  
ĐT : (84.8) 39 300 358 - 39 305 197  
Fax : (84.8) 39 305 206  
Email : [vinamilk@vinamilk.com.vn](mailto:vinamilk@vinamilk.com.vn)  
Web : [www.vinamilk.com.vn](http://www.vinamilk.com.vn)